

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

Trần Thị Thùy Dương

**NGUYÊN TẮC NHÂN ĐẠO ĐỐI VỚI NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI
PHẠM TỘI THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2018

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

Trần Thị Thùy Dương

**NGUYÊN TẮC NHÂN ĐẠO ĐỐI VỚI NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI
PHẠM TỘI THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM**

Chuyên ngành: Luật hình sự và Tố tụng hình sự

Mã số: 8.38.01.04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
PGS.TS. NGUYỄN THỊ PHƯƠNG HOA

HÀ NỘI - 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận văn “*Nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo pháp luật hình sự Việt Nam*” là công trình nghiên cứu do chính tôi thực hiện dưới sự hướng dẫn khoa học của PGS.TS Nguyễn Thị Phương Hoa. Các nội dung, thông tin được trình bày trong luận văn là trung thực.

Tôi xin chịu trách nhiệm về lời cam đoan trên của mình.

Tác giả luận văn

TRẦN THỊ THÙY DƯƠNG

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ NGUYÊN TẮC NHÂN ĐẠO ĐỐI VỚI NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI PHẠM TỘI	10
1.1. Khái niệm, đặc điểm và ý nghĩa của nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi phạm tội	10
1.2. Nội dung của nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi	17
1.3. Mối liên hệ giữa nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi phạm tội với một số nguyên tắc khác của luật hình sự Việt Nam.....	24
Chương 2: SỰ THỂ HIỆN CỦA NGUYÊN TẮC NHÂN ĐẠO ĐỐI VỚI NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI PHẠM TỘI TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM	31
2.1. Khái quát sự thể hiện của nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong luật hình sự trước năm 2015	31
2.2. Sự thể hiện của nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)	41
Chương 3: HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM NHẪM ĐẢM BẢO NGUYÊN TẮC NHÂN ĐẠO ĐỐI VỚI NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI PHẠM TỘI	71
3.1. Hạn chế trong quy định của Bộ luật hình sự 2015 trong việc bảo đảm nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi phạm tội	71
3.2. Định hướng hoàn thiện và kiến nghị cụ thể nhằm đảm bảo nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi phạm tội	73
KẾT LUẬN	78
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

BLHS	Bộ luật hình sự
CSHS	Chính sách hình sự
TNHS	Trách nhiệm hình sự
NCTN	Người chưa thành niên

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, con người và vấn đề bảo đảm quyền con người là trung tâm của mọi hoạt động xã hội. Quan điểm xuyên suốt thể hiện trong đường lối, nguyên tắc của Đảng và Nhà nước Việt Nam là luôn coi con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước, trong đó trẻ em, người dưới 18 tuổi được ví như măng non, là nguồn hạnh phúc của gia đình, tương lai của dân tộc, chủ nhân kế tục sự nghiệp phát triển đất nước. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) đã nhấn mạnh: *“...Chú trọng cải thiện điều kiện sống, lao động và học tập của thanh niên, thiếu niên, giáo dục và bảo vệ trẻ em”*. Đối với người dưới 18 tuổi nói chung, trẻ em nói riêng, quan điểm của Nhà nước ta là bảo vệ, chăm sóc và giáo dục nhằm giúp họ phát triển về thể chất lẫn tinh thần một cách tốt nhất. Điều 37 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (sửa đổi, bổ sung năm 2013) xác định: *“Trẻ em được Nhà nước, gia đình và xã hội bảo vệ, chăm sóc và giáo dục; được tham gia vào các vấn đề về trẻ em”*. Điều 5 Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004 cũng quy định rõ: *“Việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em là trách nhiệm của gia đình, nhà trường, Nhà nước, xã hội và công dân”*. Trên bình diện nguyên tắc hình sự của Đảng và Nhà nước ta thì Hiến pháp và pháp luật luôn coi trẻ em, người dưới 18 tuổi là đối tượng cần bảo vệ, chăm sóc và quan tâm đặc biệt đối với cả hai trường hợp, khi họ là chủ thể của tội phạm cũng như khi họ là đối tượng tác động của tội phạm.

Trong những năm gần đây, tình hình tội phạm do người dưới 18 tuổi thực hiện ở nước ta có xu hướng gia tăng và diễn biến phức tạp. Theo thống kê của Ban chủ nhiệm Đề án 4 Chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm, từ năm 2006 đến năm 2015 cả nước xảy ra 95.474 vụ phạm pháp hình sự về trật tự xã hội do người dưới 18 tuổi thực hiện, với tổng số 147.590 đối tượng. Số vụ, số đối tượng là người dưới 18 tuổi phạm tội hàng năm có xu hướng tăng lên; thành phần đối tượng, lĩnh vực phạm tội ngày càng đa dạng hơn; tính chất hành vi phạm tội, phương thức thủ

đoạn và hậu quả gây ra ngày càng nghiêm trọng, nguy hiểm hơn. Các tội phạm giết người, cướp tài sản, trộm cắp tài sản, gây rối trật tự công cộng và tội phạm về ma túy do người dưới 18 tuổi gây ra đang ngày càng phổ biến. Hành vi phạm tội của người dưới 18 tuổi không còn đơn giản do bông bột, thiếu suy nghĩ mà đã có sự tính toán, chuẩn bị kỹ càng và khá tinh vi, thậm chí đã hình thành các băng nhóm tội phạm có tổ chức. Đứng trước thực trạng đó, gia đình, nhà trường và xã hội đã có nhiều biện pháp nhằm giảm thiểu nguy cơ nêu trên. Tuy nhiên, để đưa ra được một giải pháp đồng bộ, hiệu quả cho vấn đề này, trước hết phải xác định một cách khoa học, khách quan và đúng đắn về nguyên nhân cũng như đặc điểm tâm lý lứa tuổi của người dưới 18 tuổi nói chung và người dưới 18 tuổi phạm tội nói riêng.

Xuất phát từ đặc điểm đặc trưng về tâm lý, giới tính, lứa tuổi của người dưới 18 tuổi phạm tội đó là những người chưa thật sự trưởng thành, có những hạn chế nhất định về thể chất và tâm lý, suy nghĩ của họ thường thiếu chín chắn, mang tính bộc phát cho nên nguyên tắc nhân đạo đối với đối tượng này cũng có nhiều điểm khác biệt so với đối tượng là người đã thành niên phạm tội. Điều 40 Công ước Liên hợp quốc về Quyền trẻ em có ghi: *“Các quốc gia thừa nhận quyền của mọi trẻ em bị cho là tố cáo hay bị công nhận là đã vi phạm luật hình sự được đối xử phù hợp với việc cố vũ ý thức của trẻ em... Cách đối xử cũng phải tính đến lứa tuổi của trẻ em và đến điều mong muốn làm sao thúc đẩy sự tái hòa nhập vào việc đảm đương một vai trò xây dựng trong xã hội trẻ em...”*. Nhận thức này đã được nhà làm luật thể chế hóa trong các quy định của pháp luật hình sự và tố tụng hình sự Việt Nam, từ quy định về độ tuổi chịu TNHS, nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, các loại hình phạt và biện pháp tư pháp áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, vấn đề quyết định hình phạt và các biện pháp tha miễn đối với người dưới 18 tuổi phạm tội đến các quy định về trình tự, thủ tục tố tụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Đây chính là cơ sở pháp lý cho việc tiến hành các hoạt động truy cứu TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, đảm bảo phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm, phát hiện chính xác, nhanh chóng và xử lý công minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội.

Nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi phạm tội bảo đảm sự thống nhất giữa ý chí của giai cấp cầm quyền với pháp luật của Nhà nước, giữa pháp luật với việc áp dụng pháp luật đó trong đấu tranh phòng, chống tội phạm. Việc hiểu không đúng, hoạch định không đúng hoặc thực hiện không đúng nguyên tắc hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội sẽ làm giảm hiệu quả của công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm. Khẳng định này đã được chứng minh trong thực tiễn, nhận thức không đúng nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi phạm tội có khả năng dẫn đến những hạn chế, thiếu sót, sai lầm trong công tác xây dựng pháp luật, trong thực tiễn áp dụng và thi hành pháp luật. Không nắm vững nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi phạm tội sẽ làm cho việc thực hiện chủ trương, đường lối trở nên gò bó, cứng nhắc hoặc tùy tiện, thái quá, không đạt được hiệu quả như mong muốn.

Xuất phát từ thực tiễn cho thấy, những năm qua việc nắm bắt và thực hiện nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi phạm tội còn tồn tại nhiều bất cập. Pháp luật hình sự quy định về tội phạm và hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội còn nhiều bất cập, việc tổ chức thực thi pháp luật hình sự trong đấu tranh phòng, chống tội phạm còn nhiều hạn chế, trong khi đó, công tác tổng kết thực tiễn lại rất ít được quan tâm. Vì thế, những vấn đề lý luận và thực tiễn về nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi phạm tội cũng như việc triển khai thực hiện nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi phạm tội còn tản mạn, thiếu thống nhất. Để góp phần hệ thống hóa, kiến giải, làm sáng tỏ các vấn đề lý luận và thực tiễn triển khai thực hiện nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Trên cơ sở đó, đưa ra một số giải pháp hoàn thiện nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi phạm tội ở Việt Nam, tác giả chọn nghiên cứu đề tài: “*Nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo pháp luật hình sự Việt Nam*”.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Ở Việt Nam, có nhiều tài liệu, công trình nghiên cứu lý thuyết và thực tiễn liên quan đến vấn đề nguyên tắc nhân đạo và CSHS đối với người dưới 18 tuổi phạm

tội nói riêng. Trước hết giáo trình, tài liệu chuyên khảo các môn Luật hình sự, Luật Tố tụng hình sự, Luật thi hành án hình sự, Tội phạm học, Tâm lý học tội phạm và có nhiều đề tài khoa học, Luận án tiến sĩ, Luận văn thạc sĩ và các bài viết nghiên cứu đã đề cập đến những vấn đề cơ bản về nguyên tắc nhân đạo và CSHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Tuy nhiên, việc nghiên cứu về nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi phạm tội còn hạn chế, chỉ tập trung ở một số tạp chí khoa học và bình luận khoa học hình sự. Có thể dẫn ra đây một số công trình đã công bố theo các nhóm vấn đề nghiên cứu, cụ thể:

- Các công trình nghiên cứu về nguyên tắc nhân đạo

Một số công trình nghiên cứu đề cập đến CSHS với tính cách là một tổng thể như: “*Luật hình sự Việt Nam*” của GS. TSKH Đào Trí Úc, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội năm 2000; “*Một số vấn đề cơ bản về chính sách hình sự dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội IX của Đảng*” của GS.TS Hồ Trọng Ngũ, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội năm 2002; Trong các công trình này, các tác giả xem xét những khái niệm cơ bản nhất trong nguyên tắc nhân đạo và do đó có giá trị cao về học thuật, các tác giả giới hạn việc nghiên cứu của mình ở những vấn đề chung nhất có tính chất định hướng và ý nghĩa phương pháp luận. Tuy từng mặt, từng bộ phận của nguyên tắc nhân đạo đã được nhiều tác giả đề cập, chẳng hạn vấn đề tội phạm hóa, phi tội phạm hóa, hình sự hóa, phi hình sự hóa, về các nguyên tắc quyết định hình phạt, đường lối xét xử trong những trường hợp tăng nặng, giảm nhẹ TNHS nhưng do không được xem xét một cách đầy đủ, nên chưa có được cái nhìn hệ thống về nguyên tắc nhân đạo.

Các công trình nghiên cứu về CSHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội

“*Chính sách hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội*” thuộc Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần chung) của GS.TS Võ Khánh Vinh, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội năm 2005; “*Trách nhiệm hình sự của người chưa thành niên phạm tội*” thuộc Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần chung) của GS.TS Võ Khánh Vinh, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội năm 2014 đã luận giải các đặc điểm tâm sinh lý, xã hội khác biệt nhất định liên quan đến TNHS của

NCTN phạm tội. Từ yêu cầu của nguyên tắc nhân đạo và nguyên tắc phân hóa TNHS, việc xử lý NCTN phạm tội vừa phải tuân thủ quy định về xử lý tội phạm nói chung, vừa phải tuân thủ các quy định được xây dựng phù hợp với đặc thù của NCTN phạm tội.

“Một số ý kiến về chính sách hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội trong Bộ luật hình sự năm 1999” của tác giả Nguyễn Mai Bộ, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật số 4/2001, tác giả đã đề cập nội dung của CSHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội được thể hiện trong BLHS năm 1999 như: những trường hợp miễn TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, phân tích nguyên tắc việc truy cứu TNHS người dưới 18 tuổi phạm tội và áp dụng hình phạt đối với họ được thực hiện chỉ trong trường hợp cần thiết và phải căn cứ vào tính chất của hành vi phạm tội, vào đặc điểm về nhân thân và yêu cầu của việc phòng ngừa tội phạm,

“Chính sách hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội thể hiện trong Bộ luật hình sự năm 1999” của tác giả Ngô Duy Hiếu, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 11/2001.

“Sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong đấu tranh phòng, chống người chưa thành niên phạm tội” của Tiến sĩ Trần Quang Tiệp, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật số 1/2005 đã phân tích, làm sáng tỏ ý nghĩa của việc tăng cường mối quan hệ phối hợp giữa gia đình, nhà trường, xã hội trong đấu tranh phòng, chống người dưới 18 tuổi phạm tội, những giải pháp cụ thể để nâng cao hiệu quả mối quan hệ này.

Như vậy, ở trong nước, đã có khá nhiều công trình nghiên cứu khác nhau trong đó trực tiếp hoặc gián tiếp có đề cập đến những vấn đề thuộc nội dung của nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Đây là những công trình có giá trị khoa học và thực tiễn cao. Tuy nhiên, các công trình lại chưa khai thác sâu về khía cạnh nguyên tắc đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Ngoài ra, một số nội dung mới mà BLHS 2015 đã thay đổi lớn về sự thể hiện nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi nên đặt ra yêu cầu cần phải được tiếp tục nghiên cứu.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

- Mục đích của luận văn: Nghiên cứu một số vấn đề lý luận và thực tiễn triển khai thực hiện nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi phạm tội ở Việt Nam hiện nay, trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp cụ thể cho việc hoạch định và triển khai thực hiện nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong thực tiễn.

- Nhiệm vụ của luận văn: Để đạt được mục đích nêu trên, luận văn đặt ra và phải giải quyết các nhiệm vụ sau đây:

+ Kiến giải làm rõ nội hàm khái niệm nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi phạm tội; xác định vị trí, vai trò, đặc điểm, mục tiêu, các nguyên tắc và ý nghĩa của nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong thực tiễn công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, hay nói cách khác là xác định mối liên hệ giữa nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi phạm tội và hiệu quả thực tế của công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm do người dưới 18 tuổi thực hiện;

+ Phân tích làm rõ yêu cầu và các yếu tố bảo đảm xây dựng và thực hiện nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi phạm tội; nội dung, các nhân tố tác động và các biện pháp thực hiện nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi phạm tội;

+ Phân tích sự thể hiện của nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong pháp luật hình sự Việt Nam thông qua các khía cạnh: mục tiêu, quan điểm, đường lối xử lý, nguyên tắc xử lý, quy định về tội phạm, quy định về hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận văn

- *Đối tượng nghiên cứu của luận văn:* Những vấn đề lý luận về nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, nguyên tắc nhân đạo hiện hành đối với người dưới 18 tuổi phạm tội ở Việt Nam và việc triển khai thực hiện nguyên tắc nhân đạo đối với NCTN phạm tội ở Việt Nam hiện nay.

- *Phạm vi nghiên cứu của luận văn:*

+ Phạm vi nội dung: Dưới góc độ khoa học pháp lý, quan niệm như thế nào là nguyên tắc nhân đạo đã được nhiều tác giả quan tâm, đề cập trong sách, báo pháp lý. Trong đó, các tác giả đã đưa ra nhiều quan điểm khác nhau về khái niệm và nội dung của nguyên tắc nhân đạo. Sự khác nhau giữa các quan điểm này thể hiện chủ yếu ở quan niệm nguyên tắc nhân đạo theo nghĩa rất rộng, rộng hay hẹp. Tuy nhiên, giữa các quan điểm đó lại không có sự khác nhau về nội dung và những bộ phận của nguyên tắc nhân đạo. Với nhận thức đó, chúng tôi cho rằng, nội dung và các bộ phận của nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi phạm tội được thể hiện ở nguyên tắc pháp luật hình sự, nguyên tắc pháp luật tố tụng hình sự, nguyên tắc pháp luật thi hành án hình sự và nguyên tắc phòng ngừa tội phạm. Trong phạm vi nội dung nghiên cứu luận văn, chúng tôi tập trung làm rõ nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo nghĩa hẹp chỉ bao gồm nguyên tắc pháp luật hình sự mà cụ thể là nguyên tắc về tội phạm và nguyên tắc về hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Tất nhiên, việc giới hạn nội dung nghiên cứu này chỉ mang tính tương đối bởi lẽ theo phương pháp nghiên cứu khoa học tiếp cận vấn đề đa ngành, liên ngành, các vấn đề được bàn luận, phân tích, kiến giải luôn đan xen và hòa quyện với nhau trên hệ thống nền tảng tri thức chung.

+ Phạm vi không gian: Luận văn tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận liên quan đến nguyên tắc về tội phạm và nguyên tắc về hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội ở Việt Nam.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

- *Phương pháp luận*: Luận văn được nghiên cứu dựa trên cơ sở phương pháp luận biện chứng duy vật của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về đường lối đổi mới đất nước, tinh thần cải cách tư pháp, chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm. Trong quá trình nghiên cứu, luận văn đã sử dụng phương pháp nghiên cứu của chuyên ngành Luật hình sự, Luật tố tụng hình sự, Tội phạm học, Tâm lý học, Xã hội học, Khoa học điều tra hình sự với các phương pháp nghiên cứu cụ thể để

làm sáng tỏ bản chất của vấn đề nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

Với quan điểm hệ thống, nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi phạm tội là một bộ phận quan trọng không thể tách rời của nguyên tắc pháp luật, nguyên tắc nhân đạo và cũng nhằm thực hiện nhiệm vụ chung của nguyên tắc pháp luật hình sự, nhưng nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi phạm tội lại có nội dung, nhiệm vụ, mục đích riêng của mình. Vì vậy, nghiên cứu lấy nội dung, mục tiêu, nhiệm vụ của nguyên tắc pháp luật, nguyên tắc nhân đạo làm xuất phát điểm để tiếp cận bản chất vấn đề nghiên cứu và từ đó tìm ra các liên hệ bản chất cần triển khai nghiên cứu trong luận văn.

- *Phương pháp nghiên cứu:* Trong quá trình nghiên cứu luận văn chúng tôi sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể sau đây:

+ Phương pháp phân tích tài liệu, sử dụng để hệ thống hóa những vấn đề lý luận về nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi phạm tội; về quy trình nguyên tắc từ việc hoạch định, tổ chức thực hiện đến việc phân tích, đánh giá nguyên tắc.

+ Phương pháp thống kê, phân tích, so sánh số liệu thống kê, sử dụng để điều tra, khảo sát thực tế và thống kê tình hình người dưới 18 tuổi phạm tội ở Việt Nam trong thời gian qua nhằm làm căn cứ cho việc xây dựng và hoàn thiện nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

+ Phương pháp tổng kết thực tiễn, sử dụng để nghiên cứu tổng kết đánh giá những kết quả, tài liệu thu thập được từ thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về tội phạm và hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội ở Việt Nam.

+ Phương pháp so sánh pháp luật, phương pháp này được sử dụng để nghiên cứu lý luận và thực tiễn về nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi phạm tội thông qua các quy định cụ thể của pháp luật hình sự của nước ngoài, đối chiếu so sánh với các quy định của Việt Nam, để tìm được phương án, đề xuất hợp lý cho Việt Nam.

+ Phương pháp chuyên gia, sử dụng để tham khảo ý kiến của các cán bộ thực tiễn, các chuyên gia nghiên cứu về những vấn đề có liên quan đến nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Việc nghiên cứu này có thể được tiến hành thông qua các ấn phẩm, chuyên khảo, đề tài khoa học, sách báo pháp lý đã được xuất bản, nghiệm thu có đề cập đến nội dung nghiên cứu của luận văn.

+ Phương pháp điều tra điển hình, sử dụng để thu thập thông tin một số vụ án điển hình và kết quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm do người dưới 18 tuổi thực hiện trong thời gian qua của các cơ quan bảo vệ pháp luật.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

- Kết quả nghiên cứu của luận văn có ý nghĩa lý luận và thực tiễn trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và tội phạm do người dưới 18 tuổi thực hiện nói riêng. Về mặt lý luận, luận văn cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn cho hoạt động lập pháp, hành pháp và đặc biệt trong lĩnh vực hoạt động tư pháp hình sự, áp dụng nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi phạm tội để đấu tranh có hiệu quả với tội phạm hình sự do người dưới 18 tuổi thực hiện ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

- Về mặt thực tiễn, luận văn có thể dùng làm tài liệu tham khảo cho cán bộ nghiên cứu về xây dựng pháp luật, cán bộ hoạt động thực tiễn, tổ chức thực hiện và áp dụng pháp luật.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, nội dung luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi phạm tội

Chương 2: Sự thể hiện của nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong luật hình sự Việt Nam

Chương 3: Hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam nhằm đảm bảo nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ NGUYÊN TẮC NHÂN ĐẠO ĐỐI VỚI NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI PHẠM TỘI

1.1 Khái niệm và ý nghĩa của nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi phạm tội

1.1.1 Khái niệm của nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi phạm tội

Trong tiến trình phát triển của nhân loại, nhân đạo luôn là niềm khát vọng cháy bỏng của con người. Cùng với những giá trị xã hội khác như công bằng, bình đẳng, dân chủ, pháp luật... nhân đạo là giá trị xã hội có ý nghĩa cực kỳ quan trọng đối với sự phát triển của xã hội nói chung và của mỗi con người nói riêng. Tồn tại với tính cách là một trong những giá trị xã hội quan trọng, nhân đạo ngày càng được khẳng định đầy đủ hơn trong các mối quan hệ giữa xã hội và cá nhân, giữa nhà nước và công dân, giữa các tổ chức xã hội và các thành viên của chúng, giữa con người và con người trong mọi lĩnh vực đời sống xã hội, trong đó có lĩnh vực pháp luật, nhân đạo được thể hiện đầy đủ nhất và mạnh mẽ nhất, trở thành nền tảng tư tưởng, nội dung, thuộc tính và nguyên tắc của nó. Vấn đề nhân đạo là vấn đề con người, vốn được hiểu là “cái đức yêu thương con người, trên cơ sở tôn trọng phẩm giá, quyền và lợi ích của con người”, “là đạo đức thể hiện tình thương yêu với ý thức tôn trọng giá trị phẩm chất của con người”, là một từ ghép gốc Hán với nghĩa nhân là người và đạo là đường. Nhân đạo là đường làm người, là đạo làm người, là thương yêu tôn trọng, bảo vệ giá trị, phẩm giá và quyền sống của con người. Đặc biệt, đối với con người chưa hòa thiện về thể chất và tinh thần, thì sự nhân đạo càng được chú trọng và đặt lên hàng đầu.

Người dưới 18 tuổi là những người chưa hoàn toàn phát triển đầy đủ về nhân cách (thể chất và tinh thần), chưa có đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ của một công dân.

Điều 1 Công ước quốc tế về quyền trẻ em được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua ngày 20/11/1989 có ghi: “Trong phạm vi Công ước này, trẻ em có nghĩa

là người dưới 18 tuổi, trừ trường hợp luật pháp áp dụng đối với trẻ em có quy định tuổi thành niên sớm hơn”.

Ở Việt Nam, độ tuổi người dưới 18 tuổi được xác định thống nhất trong Hiến pháp (mới đây nhất là Hiến pháp năm 2013), BLHS sự năm 1999, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, Bộ luật Lao động, Bộ luật Dân sự, Luật xử lý vi phạm hành chính và một số văn bản quy phạm pháp luật khác. Tất cả các văn bản pháp luật đó đều quy định tuổi của người dưới 18 tuổi là dưới 18 tuổi và quy định riêng những chế định pháp luật đối với người dưới 18 tuổi trong từng lĩnh vực cụ thể.

- Khái niệm người dưới 18 tuổi khác với khái niệm trẻ em. Theo Điều 1 Luật Bảo vệ, chăm sóc và Giáo dục trẻ em năm 2004: “Trẻ em là công dân Việt Nam dưới 16 tuổi”.

Tóm lại, khái niệm người dưới 18 tuổi được xây dựng dựa trên sự phát triển về mặt thể chất và tinh thần của con người và được cụ thể hoá bằng giới hạn độ tuổi trong các văn bản pháp luật của từng quốc gia. Theo đó, người ta quy định những quyền và nghĩa vụ cụ thể của người dưới 18 tuổi.

Như vậy, về khái niệm: Người dưới 18 tuổi là người dưới 18 tuổi, chưa phát triển hoàn thiện về thể chất và tinh thần, chưa có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ pháp lý như người đã thành niên.

Ở Việt Nam, tuổi kết nạp Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh là từ 10 đến 15 tuổi, tuổi kết nạp Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh là từ 15 đến 30 tuổi. Trong tuổi Đoàn gọi là thanh niên, trong tuổi Đội là thiếu niên, dưới tuổi Đội gọi là nhi đồng. Ở mỗi lứa tuổi, người dưới 18 tuổi được Nhà nước và xã hội quan tâm bảo vệ, chăm sóc và giáo dục để phát triển tốt nhất về thể chất và nhân cách, trở thành người khỏe mạnh, có ích cho xã hội.

Năng lực nhận thức và năng lực điều khiển hành vi của con người không hình thành ngay khi sinh ra mà được tích lũy theo thời gian và kinh nghiệm sống. Chính vì vậy, tuổi tiền đề để đánh giá tính chất, mức độ trưởng thành của cá nhân, theo chuẩn mực quốc tế thì người dưới 18 tuổi cần được bảo vệ đặc biệt. Trong lĩnh vực hình sự, người dưới 18 tuổi phạm tội được coi là người có năng lực nhận thức

và năng lực điều khiển hành vi hạn chế. ở những người dưới 18 tuổi, hệ thống giá trị bên trong chi phối hành vi, xử sự chưa phát triển một cách ổn định, bền vững, khả năng tự kiềm chế chưa cao, vì vậy họ có thể thực hiện tội phạm do bị người khác dụ dỗ, kích động, thúc đẩy, lôi kéo. Ngoài ra, với năng lực nhận thức và năng lực điều khiển hành vi còn hạn chế, họ có thể thực hiện tội phạm do ý thức chưa đầy đủ về tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi, đánh giá sai các tình huống và yêu cầu của xã hội. Tính đặc thù và tâm lý người chưa đủ 18 tuổi nói chung và người dưới 18 tuổi phạm tội nói riêng, một số văn kiện quốc tế đưa ra những quy định đặc biệt bảo vệ họ trong lĩnh vực tư pháp hình sự như Công ước của Liên hợp quốc về các quyền trẻ em năm 1989; Những quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu của Liên hợp quốc về áp dụng pháp luật đối với người dưới 18 tuổi năm 1985 (Quy tắc Bắc Kinh); Quy tắc về bảo vệ người dưới 18 tuổi bị tước tự do năm 1990. Tại Công ước Liên hợp quốc về các quyền dân sự và chính trị năm 1966 khẳng định mọi trẻ em trên thế giới, không phân biệt chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, nguồn gốc dân tộc hoặc xã hội, tài sản hoặc dòng dõi đều có quyền được hưởng những biện pháp bảo hộ cần thiết của người dưới 18 tuổi và tư tưởng định hướng, chi phối toàn bộ quá trình xử lý, biện pháp xử lý người dưới 18 tuổi tại quy tắc Bắc Kinh và Quy tắc về bảo vệ người dưới 18 tuổi bị tước tự do là quan tâm hàng đầu đến lợi ích tốt nhất của họ.

Việt Nam đã gia nhập Công ước về quyền trẻ em và cam kết thực hiện việc áp dụng mọi biện pháp bao gồm cả biện pháp lập pháp để bảo đảm các quyền của trẻ em. Trên cơ sở các chuẩn mực chung đó, Nhà nước ta đã thể hiện trong các quy định của BLHS với chính sách khoan hồng, thu hẹp phạm vi xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, áp dụng những biện pháp xử lý tốt nhất đối với họ.

Nhân đạo, như đã nêu là phạm trù đạo đức thừa nhận và tôn trọng danh dự, nhân phẩm của con người, coi con người là giá trị cao nhất, coi mục đích của các quá trình phát triển xã hội và của sự tiến bộ xã hội là vì lợi ích của mọi người và đặc biệt đối với người dưới 18 tuổi với sự hạn chế nhất định về năng lực nhận thức và năng lực hành vi như đã phân tích ở trên thì sự nhân đạo càng cần được xem trọng

và đặt lên hàng đầu. Trong lĩnh vực xã hội pháp luật, nhân đạo thể hiện ở chỗ không phải con người tồn tại vì pháp luật mà ngược lại, Pháp luật phải tồn tại vì con người. Do vậy, tư tưởng nhân đạo phải là nền tảng cho nội dung của hệ thống pháp luật, và là nguyên tắc cơ bản khi xử lý người dưới 18 tuổi và “chi phối chẳng những phương pháp điều chỉnh pháp luật, mà còn chi phối cả tính chất của các quan hệ pháp lý cũng như các hoạt động của các chủ thể tham gia các quan hệ pháp luật”. Với nghĩa đó, nhân đạo không chỉ phải trở thành nguyên tắc của hệ thống pháp luật còn là nguyên tắc cơ bản đối với người dưới 18 tuổi.

Trong xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội, luật hình sự phải đồng thời đạt được các mục đích: bảo vệ các lợi ích khác nhau trong xã hội và cải tạo giáo dục người dưới 18 tuổi phạm tội thành người lương thiện, có ích cho xã hội và không phạm tội mới. Nói cách khác, luật hình sự bảo vệ xã hội khỏi sự xâm phạm của người dưới 18 tuổi phạm tội, đồng thời trả lại cho xã hội chính con người đã từng xâm hại nó sau khi đã được giáo dục, cải tạo, đặc biệt là người dưới 18 tuổi phạm tội vì các em còn tương lai và khả năng cải tạo để tiếp tục cuộc sống giúp ích cho xã hội. Những mục đích đó chỉ có thể cùng đạt được một khi người dưới 18 tuổi phạm tội được đối xử một cách nhân đạo, tức được áp dụng những biện pháp tác động không gây đau đớn về thể xác, không xúc phạm danh dự, nhân phẩm con người, được áp dụng hình phạt cũng như các biện pháp cưỡng chế hình sự khác chỉ đến mức “cần” và “đủ” cho việc cải tạo, giáo dục và phòng ngừa họ phạm tội mới v.v...mà tựu chung lại vốn là những biểu hiện của sự giảm nhẹ TNHS, hình phạt mà nói trừu tượng hơn nữa là những biểu hiện của sự khoan hồng của luật hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

Nguyên tắc của luật hình sự là những tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt quá trình xây dựng, áp dụng và hoàn thiện pháp luật hình sự. Các nguyên tắc của luật hình sự phản ánh những quy luật kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội của một chế độ nhất định mà dựa trên cơ sở đó luật hình sự được xây dựng và áp dụng nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội.

Với ý nghĩa là những tư tưởng, quan điểm chỉ đạo, nguyên tắc nhân đạo của luật hình sự là nền tảng cho hoạt động xây dựng và áp dụng pháp luật hình sự. Vì vậy, trong hoạt động xây dựng pháp luật hình sự nguyên tắc nhân đạo của luật hình sự là cơ sở để xây dựng quy phạm pháp luật hình sự. Nội dung của các quy phạm pháp luật hình sự phải phản ánh được tinh thần các nguyên tắc của luật hình sự hay nói cách khác nội dung của các quy phạm pháp luật hình sự phải hàm chứa tư tưởng của các nguyên tắc luật hình sự. Trong hoạt động áp dụng pháp luật hình sự, các nguyên tắc của luật hình sự là cơ sở để giải thích pháp luật hình sự, hướng dẫn việc áp dụng pháp luật hình sự, định hướng hoạt động cho các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Sự đối xử nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi đó cần phải được quy định trong BLHS, bởi sự ghi nhận đó là tiền đề cần thiết cho việc thực hiện đầy đủ nguyên tắc nhân đạo đối với họ trong thực tiễn áp dụng luật hình sự, tránh được sự tùy tiện theo hướng “quá có lợi” hoặc “quá bất lợi cho người dưới 18 tuổi phạm tội”, làm giảm khả năng bảo vệ của luật hình sự đối với các lợi ích trong xã hội hoặc áp dụng không đúng hình phạt cũng như các biện pháp tác động hình sự khác đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

Do vậy, nội dung của nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi phạm tội nói chung và người dưới 18 tuổi phạm tội nói riêng trong luật hình sự luôn được phản ánh vào các quy định của pháp luật hình sự ở nước ta: tại lời nói đầu BLHS 1985, đã khẳng định: “Bộ luật Hình sự (...) thể hiện chính sách của Đảng và Nhà nước ta là xử phạt người dưới 18 tuổi phạm tội không chỉ nhằm trừng trị mà còn nhằm giáo dục cải tạo họ trở thành người có ích cho xã hội, thể hiện tinh thần nhân đạo xã hội chủ nghĩa và lòng tin vào khả năng cải tạo con người dưới chế độ xã hội chủ nghĩa”. BLHS 1999 “ thể hiện tinh thần chủ động phòng ngừa và kiên quyết đấu tranh phòng, chống tội phạm và thông qua hình phạt để răn đe, giáo dục, cảm hóa, cải tạo người dưới 18 tuổi phạm tội trở thành người lương thiện...” và như một cấu trúc quan trọng, xung quanh đó các quy định và chế định được hình thành, tạo thành hướng đi về tư tưởng của cơ chế điều chỉnh của luật hình sự nước ta. Với

nghĩa đó, nhân đạo trở thành nguyên tắc cơ bản của luật hình sự và là nguyên tắc chủ đạo đối trong xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội.

Từ những phân tích trên đây có thể thấy, *nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong luật hình sự là tư tưởng chủ đạo được ghi nhận trong luật hình sự chỉ đạo hoạt động xây dựng và áp dụng luật hình sự mà nội dung cơ bản của nó là sự khoan hồng của luật hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Mức độ, phạm vi của sự khoan hồng của luật hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội được quyết định bởi điều kiện xã hội và bị ràng buộc bởi các nguyên tắc khác của luật hình sự, mà trước hết là công lý và công bằng xã hội.*

1.1.2 Ý nghĩa của nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi phạm tội

Với nội dung nêu trên, nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi trong luật hình sự thật sự là giá trị xã hội tồn tại một cách khách quan, được hình thành trong quá trình phát triển xã hội do các điều kiện lịch sử cụ thể của đời sống xã hội đất nước quyết định. Cũng như những nguyên tắc khác của luật hình sự, nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi có ý nghĩa quan trọng cả về phương diện xã hội lẫn pháp lý. Về phương diện xã hội, nguyên tắc nhân đạo là một trong những bảo đảm cho việc thực hiện công bằng xã hội về TNHS, theo đó, việc quy định và áp dụng TNHS đối với mọi người dưới 18 tuổi phạm tội không phân biệt nòi giống dân tộc, thành phần xuất thân, vị trí xã hội, tình hình kinh tế, tài sản của họ. Đó là sự công bằng ở khía cạnh ngang bằng của TNHS đối với mỗi loại tội phạm. Song, các tội phạm được thực hiện bởi những con người cụ thể với những điểm khác biệt về nhân thân như người dưới 18 tuổi có sự hạn chế về năng lực nhận thức, là đối tượng được pháp luật bảo vệ và với sự khác nhau về hình thức và mức độ thực hiện tội phạm, về tính chất lỗi, về mức độ hậu quả xảy ra trên thực tế có ảnh hưởng rất lớn đến mức độ TNHS của người dưới 18 tuổi phạm tội đòi hỏi phải có cả khía cạnh phân phối của công bằng về TNHS.

Chính nội dung của nguyên tắc nhân đạo đối với đối tượng là người dưới 18 tuổi phạm tội đòi hỏi luật hình sự phải biểu đạt một cách toàn diện và đầy đủ các cơ

sở của trách nhiệm hình sự, tạo tiền đề cho việc quyết định công bằng về trách nhiệm hình sự và hình phạt, nhằm đạt được mục đích, nhiệm vụ của luật hình sự nói chung và của hình phạt nói riêng. Vì vậy, nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi thực sự trở thành phương tiện cần thiết để thực hiện công bằng xã hội trong luật hình sự. Đồng thời, nội dung của nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự còn có ý nghĩa ở phương diện sử dụng pháp luật hình sự đấu tranh, phòng ngừa và chống tội phạm, theo đó, một mặt, không phủ nhận vai trò quan trọng của các biện pháp cưỡng chế hình sự, mặt khác chỉ được áp dụng các biện pháp cưỡng chế hình sự một khi các biện pháp pháp lý khác không có hiệu quả. Đồng thời, các biện pháp cưỡng chế hình sự chỉ được áp dụng trong giới hạn “cần” và “đủ” để đấu tranh, phòng ngừa và chống tội phạm một cách có hiệu quả. Để thực hiện chủ trương đó, bên cạnh xác định nhiệm vụ của luật hình sự, quy định cơ sở của TNHS, miễn TNHS, áp dụng các biện pháp tư pháp, hình phạt, hệ thống hình phạt, các căn cứ quyết định hình phạt... BLHS cần quy định các tình tiết giảm nhẹ, thời hiệu truy cứu TNHS, xoá án tích. Đó chính là những cách thức đưa nội dung của nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi phạm tội vào lĩnh vực xử lý tội phạm và người dưới 18 tuổi phạm tội với mục đích cao nhất là phòng ngừa tội phạm. Đó chính là ý nghĩa xã hội của nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi trong luật hình sự.

Giải quyết đúng đắn trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội là vấn đề then chốt trong vụ án hình sự. Để giải quyết tốt vấn đề đó, không thể không căn cứ vào nội dung của nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi trong luật hình sự. Bởi vậy, nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi trong luật hình sự còn có ý nghĩa quan trọng về mặt pháp lý. Về mặt pháp lý, ý nghĩa của nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi trong luật hình sự thể hiện ở nhu cầu và phương tiện phân hoá trách nhiệm hình sự và hình phạt trong luật hình sự; ở điều kiện không áp dụng các biện pháp tác động có tính nghiêm khắc cao, ưu tiên áp dụng các biện pháp tư pháp khác và những điều kiện cần thiết khác để đạt được mục đích của hình phạt.

Các quy định và chế định mang tính nhân đạo của luật hình sự đối với người dưới 18 tuổi cũng như một phán quyết mang tính nhân đạo áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội có tác dụng giúp họ dễ dàng nhận thấy sự hợp lý trong phán quyết đó mà có tâm lý sẵn sàng chấp nhận phần trách nhiệm đã được quyết định cho cá nhân mình. Yếu tố tâm lý là điều kiện tích cực trong quá trình cải hoá người dưới 18 tuổi phạm tội, hứa hẹn một tác động tốt đến người dưới 18 tuổi phạm tội để họ quyết tâm phục thiện. Có thể khẳng định rằng, đạt đến mục đích quan trọng này cũng chính là làm bớt đi một nguồn nguy hiểm cho xã hội, góp phần làm lành mạnh môi trường xã hội, tạo điều kiện để các em tái hòa nhập cộng đồng. Thiết nghĩ, đây chính là ý nghĩa thực tiễn của nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi trong luật hình sự.

Các quy định và chế định mang tính nhân đạo của luật hình sự cũng như các phán quyết mang tính nhân đạo của toà án đối với người dưới 18 tuổi phạm tội có tác dụng tác động đến tâm lý của các thành viên trong xã hội, giúp họ nhận thức được tính công lý, công bằng và nhân đạo của luật hình sự, tin tưởng vào vai trò khả năng của nó trong cuộc đấu tranh, phòng ngừa và chống tội phạm, nâng cao ý thức pháp luật của mọi người tham gia tích cực vào giáo dục cảm hoá người dưới 18 tuổi phạm tội trở thành người lương thiện có ích cho xã hội. Đây chính là một trong những ý nghĩa thực tiễn của nguyên tắc nhân đạo dưới 18 tuổi trong luật hình sự.

1.2. Nội dung của nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi

Tội phạm do người người dưới 18 tuổi gây ra bao giờ cũng gắn liền với một người dưới 18 tuổi có hành vi phạm tội cụ thể nhưng không phải mọi trường hợp một người dưới 18 tuổi thực hiện hành vi phạm tội đều trở thành tội phạm.

Tội phạm do người người dưới 18 tuổi gây ra có những đặc điểm riêng so với tội phạm do người đã thành niên gây ra. Tội phạm do người đã thành niên gây ra là những hành vi nguy hiểm cho xã hội có đủ dấu hiệu tội phạm và đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Tội phạm do người dưới 18 tuổi gây ra ngoài những dấu hiệu và yếu tố pháp lý còn được xác định bằng sự nhận định, cân nhắc cụ thể của cơ quan

có thẩm quyền khi quyết định truy cứu TNHS và áp dụng hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

Theo một số nghiên cứu khoa học, việc truy TNHS và áp dụng hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội được xem là “cần thiết” khi hội đủ 3 điều kiện sau đây:

- Người dưới 18 tuổi phạm tội có nhân thân xấu.
- Tội phạm đã được thực hiện có tính chất nghiêm trọng.
- Những biện pháp giáo dục, phòng ngừa như giáo dục tại xã, phường, đưa vào trường giáo dưỡng không có hiệu quả để cải tạo người dưới 18 tuổi phạm tội mà cần áp dụng hình phạt đối với họ. [1]

Từ những phân tích trên thấy: Tội phạm do người dưới 18 tuổi gây ra là hành vi nguy hiểm cho xã hội được thực hiện bởi người dưới 18 tuổi và người đó phải chịu TNHS tương ứng với hành vi và lỗi của mình theo phán xét của cơ quan tiến hành tố tụng.

Việc điều tra, truy tố, xét xử người dưới 18 tuổi phạm tội phải thực hiện nghiêm túc, đúng các quy định tại Chương XII của BLHS 2015 về: những quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

Người dưới 18 tuổi do chưa phát triển hoàn thiện về mặt thể chất và nhân cách nên việc bảo vệ, chăm sóc người dưới 18 tuổi; việc phòng ngừa và điều tra tội phạm, xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội là vấn đề vừa mang tính pháp lý vừa mang tính nhân văn. Người dưới 18 tuổi phạm tội xuất phát từ nguyên nhân xã hội, nguyên nhân tổng hoà sự giáo dục của gia đình, nhà trường, xã hội, quản lý nhà nước đối với xã hội nói chung, trong đó có các quy định về phòng ngừa chung và những chính sách khác đối với người dưới 18 tuổi. Giải pháp để ngăn ngừa, phòng chống tội phạm đối với người dưới 18 tuổi không phải bằng tăng hình phạt mà chính là sự quản lý giáo dục và các chính sách dành cho người dưới 18 tuổi.

Quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước ta đối với người dưới 18 tuổi phạm tội được thể hiện rất đầy đủ trong BLHS. Theo đó, nguyên tắc xử lý đối với

người dưới 18 tuổi phạm tội chủ yếu nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội.

Có thể nói rằng, chính sách xử lý riêng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội xuất hiện và tồn tại gắn liền với lịch sử hình thành và phát triển của pháp luật hình sự Việt Nam. Với sự cân nhắc nhiều yếu tố khác nhau liên quan đến người dưới 18 tuổi phạm tội, việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội có những khác biệt đáng kể so với người đã thành niên phạm tội. Sự khác biệt này trước hết được thể hiện trong các quy định về TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, trong đó quan trọng nhất là quy định về nguyên tắc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội. Đây là những quy định giữ vai trò định hướng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Cụ thể việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội cần phải tuân thủ các nguyên tắc sau đây:

Thứ nhất, việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội phải bảo đảm lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi và chủ yếu nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội. Vì vậy, trước tiên cần phải căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội do người dưới 18 tuổi thực hiện để xem xét miễn TNHS hoặc miễn TNHS và áp dụng các biện pháp tư pháp, đưa vào trường giáo dưỡng. Chỉ khi không thể áp dụng các quy định về miễn TNHS và việc áp dụng các biện pháp tư pháp không đảm bảo hiệu quả giáo dục, phòng ngừa thì mới xét đến việc truy cứu TNHS và khi áp dụng hình phạt cần ưu tiên áp dụng các hình phạt không tước tự do.

Trong mọi trường hợp điều tra, truy tố, xét xử hành vi phạm tội của người dưới 18 tuổi, các cơ quan tiến hành tố tụng phải xác định khả năng nhận thức của họ về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nguyên nhân và điều kiện gây ra tội phạm.

Phù hợp với sự thiếu hụt và non nớt về kiến thức, kinh nghiệm sống của người dưới 18 tuổi cũng như gắn liền với trách nhiệm của toàn xã hội trong việc giáo dục người dưới 18 tuổi, nguyên tắc này hướng đến trọng tâm của việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội là giáo dục, giúp đỡ để họ trở thành người có ích cho xã hội. Đây là nguyên tắc chung, bao trùm và chi phối nội dung các nguyên tắc còn

lại trong xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội, thể hiện sự nhân đạo của hệ thống pháp luật hình sự nước ta và nó hoàn toàn phù hợp với tinh thần của các công ước quốc tế về tư pháp người dưới 18 tuổi. Nguyên tắc này nhằm mục đích bảo vệ quyền của người dưới 18 tuổi và vì lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi. Đây được coi là nguyên tắc cốt lõi của tất cả các hoạt động liên quan đến người dưới 18 tuổi. Điều này đã được ghi nhận tại Điều 3 của Công ước Liên hợp quốc về quyền trẻ em.

Một yếu tố quan trọng của quyền riêng tư của trẻ em là việc không bêu xấu trẻ và không đặt ra cách gọi khác thường cho trẻ. Xã hội cũng được hưởng lợi từ quyền này của trẻ em bởi vì tránh được sự bêu xấu, trẻ sẽ giảm được nguy cơ tái phạm. Quyền có đời sống gia đình cũng giúp giảm được nguy cơ tái phạm, bởi vì mối liên hệ gắn gũi và sự tham gia của trẻ vào những vấn đề của gia đình ngay từ đầu sẽ tạo cho trẻ sự hỗ trợ cần thiết, giảm nguy cơ trẻ cảm thấy bị cô lập và xa lánh. Trẻ em bị tước mất môi trường gia đình có quyền được hưởng sự bảo vệ và giúp đỡ đặc biệt, các công trình nghiên cứu quốc tế cho thấy rằng những trẻ em bị cách ly gia đình thường dễ bị tổn thương do bị lạm dụng và bị bỏ mặc. Sự bắt bớ, giam giữ hoặc bỏ tù trẻ em chỉ được dùng đến như một biện pháp cuối cùng và trong thời hạn thích hợp ngắn nhất. Mục đích của nguyên tắc này là các cơ quan tố tụng có thể tìm ra các biện pháp thay thế cho việc bắt giam như triệu tập chẳng hạn.

Thứ hai, các cơ quan có thẩm quyền ưu tiên xem xét áp dụng các biện pháp thay thế xử lý hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội bao gồm khiển trách, hòa giải tại cộng đồng, giám sát, giáo dục tại gia đình hoặc giám sát, giáo dục của cơ quan, tổ chức. Các cơ quan có thẩm quyền chỉ xem xét áp dụng biện pháp thay thế hình sự đối với người dưới 18 tuổi khi có đủ các điều kiện sau: Có căn cứ để chứng minh người dưới 18 tuổi đã thực hiện một tội phạm; người dưới 18 tuổi phạm tội có thái độ hối cải, thành thật khai báo, tự nguyện khắc phục hậu quả do mình gây ra; Thuộc trường hợp phạm tội lần đầu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ; người dưới 18 tuổi và người đại diện hợp pháp của họ đồng ý với việc áp dụng biện pháp thay thế xử lý hình sự.

Như chúng ta đã biết, một trong những nguyên tắc quan trọng trong việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội đó là phải bảo đảm lợi ích tốt nhất của các em. Vì vậy, việc lựa chọn phương pháp xử lý phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi, tạo môi trường phát triển bình thường của người dưới 18 tuổi là vô cùng quan trọng. Trong nhiều trường hợp, việc áp dụng các biện pháp xử lý nằm ngoài hệ thống tư pháp chính thức, mang tính răn đe, giáo dục xã hội (xử lý chuyển hướng) để áp dụng đối với người dưới 18 tuổi mang lại hiệu quả mong muốn và đó là một đòi hỏi của Công ước Quyền trẻ em và các chuẩn mực quốc tế khác mà Việt Nam là thành viên. Cách thức xử lý không viển dẫn đến các thủ tục tố tụng chính thức đối với NCTN phạm tội đang được sử dụng phổ biến tại nhiều quốc gia trên thế giới, đã và đang đem lại nhiều hiệu quả trong việc giáo dục và phòng ngừa tội phạm vị thành niên cũng như đảm bảo lợi ích cộng đồng.

Một trong những nguyên tắc quan trọng trong chính sách nhân đạo trong xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội được ghi nhận tại Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em là bất cứ khi nào xét thấy phù hợp và nên làm thì các quốc gia phải khuyến khích việc thiết lập các biện pháp xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội mà không cần viện đến các thủ tục tư pháp trong điều kiện bảo đảm quyền con người và sự nghiêm minh của pháp luật. Nghiên cứu pháp luật của các nước trên thế giới cho thấy, hầu hết các nước đều quy định và áp dụng xử lý chuyển hướng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Mục tiêu của xử lý chuyển hướng các hành vi phạm tội của người dưới 18 tuổi là nhằm giảm thiểu sự tiếp xúc của các em với hệ thống tư pháp để từ đó giảm tác động, ảnh hưởng do hệ thống tư pháp chính thống mang lại, cũng như sự kỳ thị của cộng đồng, đồng thời cũng tránh việc để lại ấn tích cho các em. Các biện pháp xử lý chuyển hướng không chỉ xử lý hành vi phạm tội mà còn giải quyết cả những nguyên nhân sâu xa dẫn đến việc phạm tội và do đó tác dụng phòng ngừa tái phạm đặc biệt hiệu quả. Ngoài ra, xử lý chuyển hướng là quy trình giải quyết vụ việc tại cộng đồng trên cơ sở hỗ trợ của cộng đồng và do đó, tránh được tình trạng quá tải và chi phí tốn kém do thủ tục tố tụng chính thức gây nên.

Việc áp dụng các biện pháp thay thế mang tính không chính thức cũng chính là một biện pháp tiến bộ mà hệ thống tư pháp thân thiện với người dưới 18 tuổi đang khuyến khích áp dụng (tại Điều 40 (3)(b) Công ước quốc tế về Quyền trẻ em đã thể hiện điều này).

Thứ ba, việc truy cứu trách nhiệm hình sự người dưới 18 tuổi phạm tội chỉ trong trường hợp cần thiết và phải căn cứ vào tính chất của hành vi phạm tội, vào những đặc điểm về nhân thân và yêu cầu của việc phòng ngừa tội phạm. Nguyên tắc này bổ sung cho nguyên tắc thứ nhất nhằm hạn chế tình trạng trường hợp người dưới 18 tuổi phạm tội chỉ cần áp dụng biện pháp xử lý khác nhưng lại bị truy cứu trách nhiệm hình sự và đặc biệt là bị áp dụng hình phạt. Quy định này đòi hỏi sự cân nhắc kỹ của người áp dụng pháp luật khi quyết định hình thức và biện pháp xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội nhằm hạn chế tác động tiêu cực của chế tài hình sự, đặc biệt là hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Những trường hợp mà tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm cũng như nhân thân người dưới 18 tuổi phạm tội thể hiện cần phải truy cứu trách nhiệm hình sự và áp dụng hình phạt hay biện pháp tư pháp thì Tòa án vẫn phải lựa chọn biện pháp này.

Hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án đối với người dưới 18 tuổi phạm tội phải tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, Luật thi hành án hình sự và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

Việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử người dưới 18 tuổi phải đảm bảo các điều kiện theo quy định, như: người dưới 18 tuổi phải có hành vi phạm tội, tức là người dưới 18 tuổidã thực hiện hành vi phạm tội được mô tả trong cấu thành tội phạm cụ thể được quy định trong BLHS; Hành vi của người dưới 18 tuổi phải gây thiệt hại, đe dọa gây thiệt hại nghiêm trọng cho xã hội; người dưới 18 tuổi phải là người có đủ năng lực TNHS. Người dưới 18 tuổi có đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình (có lỗi); người dưới 18 tuổi phải đạt đến độ tuổi nhất định mà theo quy định của luật hình sự, họ có nghĩa vụ phải chịu TNHS.

Các cơ quan Nhà nước, những người tiến hành tố tụng hình sự và người tham gia tố tụng hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội phải triệt để tuân thủ

các quy định của Hiến pháp và pháp luật liên quan đến quyền trẻ em, đến trình tự, thủ tục tố tụng hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

Thứ tư, khi xét xử, Tòa án chỉ áp dụng hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội nếu xét thấy việc miễn TNHS và áp dụng một trong các biện pháp xử lý chuyên hướng hoặc việc áp dụng biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng không bảo đảm mục đích giáo dục, phòng ngừa.

Các biện pháp xử lý chuyên hướng được quy định áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội bao gồm khiển trách, hòa giải tại cộng đồng, giáo dục tại xã, phường, thị trấn, còn biện pháp tư pháp áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội là giáo dục tại trường giáo dưỡng. Trong hai biện pháp này, một biện pháp tác động theo hướng giáo dục người dưới 18 tuổi phạm tội ngay trong chính môi trường sống của họ, một biện pháp giáo dục người dưới 18 tuổi phạm tội trong một môi trường tập trung có tính kỷ luật cao. Hai biện pháp này tuy gần giống hai loại hình phạt được quy định và áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội nói chung là cải tạo không giam giữ và tù có thời hạn, nhưng chúng không gây ra tác động tiêu cực đối với người dưới 18 tuổi phạm tội như hai loại hình phạt đó.

Thứ năm, không xử phạt tù chung thân hoặc tử hình đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Trong hệ thống hình phạt ở nước ta, đây là hai hình phạt thể hiện tính trừng trị cao nhất: một hình phạt mang tính chất là tước tự do suốt đời và một hình phạt tước quyền sống của người bị kết án. Với tính chất đó, các hình phạt này chỉ được áp dụng trong những trường hợp hành vi phạm tội và nhân thân người dưới 18 tuổi phạm tội cho thấy người đó khó hoặc không còn khả năng cải tạo, giáo dục. Những hình phạt này trái với đường lối xử lý chung đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

Khi áp dụng hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội cần hạn chế áp dụng hình phạt tù. Khi xử phạt tù có thời hạn, Tòa án cho người dưới 18 tuổi phạm tội được hưởng mức án nhẹ hơn mức án áp dụng đối với người đã thành niên phạm tội tương ứng và trong thời gian thích hợp ngắn nhất. Quy định này phù hợp với sự đánh giá về sự thiếu hoàn thiện trong nhận thức và kinh nghiệm sống của người

dưới 18 tuổi và cũng là biểu hiện của đường lối xử lý khoan hồng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội nhằm hạn chế tác động tiêu cực của môi trường trại giam đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Đồng thời, quy định này cũng là sự thể chế hóa các nguyên tắc cơ bản của tư pháp hình sự người dưới 18 tuổi được ghi nhận trong Công ước quốc tế về Quyền trẻ em, theo đó, không có trẻ em nào bị tước quyền tự do một cách bất hợp pháp hoặc tùy tiện ở bất kỳ giai đoạn nào của quá trình tư pháp người dưới 18 tuổi. Việc tước quyền tự do của người đã thành niên đã cần phải hết sức thận trọng nhưng đối với người dưới 18 tuổi thì càng phải thận trọng hơn. Với bất kể trẻ em nào, việc bị tước quyền tự do không có căn cứ pháp luật sẽ ảnh hưởng rất lớn đến nhân cách sau này của các em.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Các hình phạt được áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội chỉ là các hình phạt chính. Quy định này phù hợp với nguyên tắc tiết chế hình phạt áp dụng đối với NCTN phạm tội.

Thứ sáu, án đã tuyên đối với người dưới 18 tuổi phạm tội khi chưa đủ 16 tuổi thì không tính để xác định tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm. Quy định này thể hiện tính khoan hồng cao hơn trong xử lý người dưới 18 tuổi ở độ tuổi từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội so với người dưới 18 tuổi từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi.

Tóm lại, BLHS thể hiện chính sách nhất quán của Đảng và Nhà nước ta trong việc thực thi nghĩa vụ của quốc gia thành viên Công ước về Quyền trẻ em, nhằm tăng cường hiệu quả giáo dục, phục hồi đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Theo đó, BLHS đã quy định những nguyên tắc chung trong việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội. Đây là những nguyên tắc quan trọng có tính định hướng cho việc xây dựng các điều luật khác trong Chương quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, đồng thời đóng vai trò kim chỉ nam cho cơ quan và người tiến hành tố tụng trong việc áp dụng các quy định của BLHS để xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội.

1.3. Mối liên hệ giữa nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi phạm tội với một số nguyên tắc khác của luật hình sự Việt Nam

Để đạt được mục đích của mình, luật hình sự thực hiện cùng một lúc nhiều nhiệm vụ khác nhau. Mỗi một nhiệm vụ của luật hình sự được chỉ đạo bởi một tư tưởng chủ đạo. Như vậy, “nếu lấy chức năng nhiệm vụ của luật hình sự làm điểm xuất phát cho việc xác định các nguyên tắc của luật hình sự, thì chúng ta sẽ có không chỉ một vài nguyên tắc mà là một số nguyên tắc, bởi vì luật hình sự có nhiều nhiệm vụ khác nhau. Mặt khác, các nguyên tắc đó nhất thiết phải thể hiện một chiều tác động duy nhất mà có thể có đa chiều tác động có khi mới nhìn bề ngoài có thể trái chiều với nhau nhưng trong tổng thể thì tuyệt đối thống nhất với nhau, bởi luật hình sự có nhiệm vụ và mục đích và nhiệm vụ tổng thể chung của nó. Sự trái chiều nói ở đây, chẳng hạn khi nói về nhiệm vụ đấu tranh chống tội phạm, áp dụng hình phạt để trừng trị người dưới 18 tuổi phạm tội và nhiệm vụ bảo vệ nhân thân con người, kể cả người dưới 18 tuổi phạm tội. Điều đó phản ánh nhu cầu của tư pháp hình sự là vừa “không để lọt” tội phạm và người dưới 18 tuổi phạm tội lại vừa “không làm oan” người vô tội”.

Quả đúng như vậy, với tính cách là những tư tưởng chủ đạo định hướng cho toàn bộ quá trình quy định tội phạm và hình phạt, áp dụng chúng trong thực tiễn, các nguyên tắc của luật hình sự hợp thành một hệ thống thống nhất, trong đó mỗi nguyên tắc có ý nghĩa độc lập của mình nhưng có mối liên hệ mật thiết đan xen, xâm nhập lẫn nhau với các nguyên tắc khác của luật hình sự.

Trước hết, nguyên tắc nhân đạo có mối liên hệ hết sức chặt chẽ với nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa. Với tính cách là nguyên tắc của luật hình sự, pháp chế xã hội chủ nghĩa có nội dung: thứ nhất, cơ sở của trách nhiệm hình sự, của việc áp dụng hình phạt hoặc miễn hình phạt cũng như của việc áp dụng các hình thức trách nhiệm hình sự với tính cách là hậu quả pháp lý của hành vi phạm tội đều phải do BLHS quy định; thứ hai, ranh giới giữa tội phạm và không phải là tội phạm trong những hành vi mà điều luật mô tả cần phải được làm rõ; thứ ba, từ bỏ áp dụng pháp luật tương tự. Rõ ràng không thể có nhân đạo nếu những vấn đề về tội phạm và hình phạt như về cơ sở của trách nhiệm hình sự, về quyết định hình phạt, về miễn hình phạt... không được nâng lên thành những quy định cụ thể của pháp luật

hình sự; không giảm đến mức tối đa các quy định của BLHS có tính chất tùy nghi mà chúng có thể xảy ra trên cơ sở các quy định các yếu tố cấu thành tội phạm và xác định các chế tài của luật hình sự cũng như trên cơ sở các quy định của luật hình sự về quyết định hình phạt và có thể trên cơ sở các quy định của luật hình sự có tính chất đánh giá; không làm rõ được ranh giới của tội phạm và không phải là tội phạm trong những hành vi mà điều luật mô tả; thứ tư, không từ bỏ một cách dứt khoát việc áp dụng pháp luật tương tự.

Trong thực tiễn khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, sẽ không có nhân đạo nếu truy cứu TNHS người không có tội, định tội danh sai, áp dụng điều luật trong trường hợp không có hiệu lực trở về trước, vận dụng sai các tình tiết tăng nặng TNHS, tình tiết giảm nhẹ TNHS, quyết định hình phạt không đúng (loại và mức hình phạt không tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội); tổng hợp hình phạt sai (đối với trường hợp phạm nhiều tội)... Các sai lầm thiếu sót trong các hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử bao giờ cũng xuất phát từ việc không tuân thủ nghiêm chỉnh nội dung và những đòi hỏi của nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa trong luật hình sự và xét đến cùng, chúng phá vỡ tính thống nhất và tính ổn định của hoạt động áp dụng pháp luật hình sự, vi phạm các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Do vậy, để có nhân đạo trong luật hình sự, trước hết phải tuân thủ nghiêm chỉnh nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa trong luật hình sự.

Cũng như nhân đạo, nói đến công bằng là nói đến vấn đề xã hội, vấn đề con người. Bởi là vấn đề xã hội, vấn đề con người, công bằng là một phần cấu thành của nhân đạo. Trong luật hình sự, nguyên tắc công bằng thể hiện ở các mức độ khác nhau mà trước hết là mức độ lập pháp hình sự, theo đó việc quy định tội phạm, hình phạt và các biện pháp tác động khác của luật hình sự “phải phản ánh được tâm tư nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân, trong đó có cả những quan điểm, quan niệm khác nhau về lẽ công bằng, về cách đánh giá tội phạm và hình phạt trong dư luận. Đây là mức độ thuộc về thiết kế CSHS và cơ sở nhận thức để xây dựng các chế định về tội phạm và hình phạt”. Vấn đề là ở chỗ, việc quy định tội phạm, hình

phạt, các biện pháp tác động khác của luật hình sự trước hết là hướng đến mục đích phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên khi tội phạm xảy ra, vấn đề đặt ra là phải xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội và việc quyết định hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội cũng phải hướng tới đạt được mục đích của luật hình sự nói chung và của hình phạt nói riêng. Song, để đạt được các mục đích đó điều quan trọng là phải có sự công bằng trong quyết định hình phạt, theo đó loại và mức hình phạt được quyết định áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội phải tương xứng với mức độ nghiêm trọng của tội phạm, với đặc điểm nhân thân người dưới 18 tuổi phạm tội và với tất cả những tình tiết khách quan và chủ quan của vụ án. Vì vậy, để tạo điều kiện cho Toà án khi xét xử vụ án hình sự cụ thể có thể quyết định được hình phạt công bằng, nhà làm luật cần xây dựng trong luật hình sự những chế tài công bằng đối với hành vi phạm tội. Cũng vì vậy mà một trong những mức độ thể hiện của nguyên tắc công bằng trong luật hình sự là công bằng trong các chế tài của điều luật. Vậy thì, thế nào là một chế tài công bằng? Một chế tài được coi là công bằng khi nó tương xứng với mức độ nghiêm trọng của tội phạm cụ thể, tương xứng trong sự so sánh với các chế tài đối với tội phạm cụ thể khác. Đồng thời, chế tài đó phải có khả năng cho phép Toà án khi áp dụng có thể tính đến được các điều kiện phạm tội cụ thể trong thực tế. Do vậy, có thể khẳng định rằng, công bằng trong luật hình sự chủ yếu là công bằng về TNHS trong quyết định hình phạt.

Sự thiếu công bằng trong chế tài của điều luật, tất yếu sẽ dẫn đến sự thiếu công bằng trong quyết định hình phạt. Sự thiếu công bằng trong quyết định hình phạt trước hết thể hiện ở loại và mức hình phạt đã được quyết định nặng hơn hoặc nhẹ hơn mức cần thiết phải áp dụng. Sự thiếu công bằng trong quyết định hình phạt còn thể hiện ở những trường hợp không áp dụng án treo, hoãn chấp hành bản án, miễn chấp hành hình phạt... trong khi có đủ những điều kiện mà pháp luật quy định để áp dụng chúng. Việc áp dụng loại và mức hình phạt công bằng, đúng pháp luật là tiền đề quan trọng để đấu tranh, phòng ngừa và chống tội phạm, bảo vệ trật tự pháp luật, bảo đảm khả năng tác động cải tạo giáo dục người dưới 18 tuổi phạm tội, ngăn ngừa họ phạm tội mới và nâng cao ý thức pháp luật của nhân dân thông qua đó thực

hiện mục đích phòng ngừa chung của luật hình sự. Như vậy, nguyên tắc công bằng “đòi hỏi cần có cả việc tăng nặng cũng như cần có cả việc giảm nhẹ TNHS và hình phạt khi có những tình tiết của vụ án đòi hỏi phải như vậy”.

Trong khi đó, nguyên tắc nhân đạo, như đã nhấn mạnh, có biểu hiện chủ yếu là xử lý TNHS và quyết định hình phạt ở những mức độ khác nhau vì lý do nhân đạo. Rõ ràng trong một tổng thể, nguyên tắc nhân đạo và nguyên tắc công bằng cho phép dung hoà và điều hoà trong cùng một lúc các yêu cầu nghiêm khắc và giảm nhẹ TNHS trong những trường hợp cụ thể.

Giá trị xã hội gắn gũi với các giá trị công bằng và nhân đạo về mặt lịch sử là giá trị bình đẳng. Bình đẳng là tư tưởng tiến bộ của nhân loại, là nguyên tắc của pháp luật xã hội chủ nghĩa và là nguyên tắc không thể thiếu của luật hình sự. Trong luật hình sự, nguyên tắc bình đẳng trước pháp luật thể hiện ở sự bình đẳng về mặt pháp lý của công dân trước các quy định của luật hình sự về tội phạm và hình phạt với nội dung: bất kỳ một người nào dù có thể rất khác nhau về địa vị xã hội, về dân tộc, về tài sản, về đạo đức, về lý lịch bản thân và thành phần gia đình... đã phạm tội đều phải chịu TNHS.

Như vậy, cả nguyên tắc mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật hình sự lẫn nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự đều có ý nghĩa bổ sung cho nhau tránh được việc áp dụng pháp luật hình sự một cách máy móc, dập khuôn, cứng nhắc cũng như tránh được tình trạng xét xử tùy tiện theo kiểu “dân thì xử theo luật, quan thì xử theo lệ” hay “vì người mà xét tội” - hậu quả của những quan điểm hoặc quá coi trọng bình đẳng về mặt pháp lý hoặc quá coi trọng bình đẳng về mặt thực tế. Những quan điểm cực đoan đó, vi phạm nghiêm trọng các đòi hỏi của nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự.

Cần lưu ý rằng, bởi tính đặc thù của mình, luật hình sự không phải là ngành luật mà ở đó các quy tắc dân chủ được thể hiện và thực hiện một cách mạnh mẽ và đầy đủ nhất. Tuy nhiên, không phải vì vậy mà nguyên tắc dân chủ không phải là nguyên tắc của luật hình sự. Trong luật hình sự, nguyên tắc dân chủ thể hiện ở việc huy động các cộng đồng xã hội tham gia rộng rãi vào cải tạo và giáo dục người dưới

18 tuổi phạm tội, giúp đỡ họ trở thành người lương thiện có ích cho xã hội. Các cơ quan nhà nước, các tập thể lao động, các tổ chức xã hội và các công dân hoặc theo đề nghị của họ hoặc thuộc những trường hợp mà pháp luật quy định, phải được huy động vào việc cải tạo giáo dục người dưới 18 tuổi phạm tội. Việc huy động các cộng đồng xã hội tham gia công tác giáo dục cải tạo người dưới 18 tuổi phạm tội bị kết án tù nhưng được hưởng án treo, bị kết án cải tạo không giam giữ. Còn có ý nghĩa góp phần nâng cao ý thức pháp luật của công dân, hình thành những quy chuẩn về hành vi hợp pháp và điều đó cũng có nghĩa là thực hiện chức năng phòng ngừa chung của luật hình sự.

Như vậy, nói đến nguyên tắc dân chủ xã hội chủ nghĩa trong luật hình sự là nói đến vai trò của nhân dân, của toàn thể cộng đồng xã hội trong cuộc đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm. Nói cách khác, nói đến nguyên tắc dân chủ xã hội chủ nghĩa là nói đến sự cần thiết và sự đa dạng của các hình thức tham gia của xã hội vào giáo dục, cảm hoá người dưới 18 tuổi phạm tội, giữ gìn an ninh trật tự xã hội. Vậy thì, trong luật hình sự, nguyên tắc dân chủ được đảm bảo bởi một loạt các quy định và chế định phản ánh tính dân chủ của luật hình sự: Nguyên tắc dân chủ xã hội chủ nghĩa trong luật hình sự còn được đảm bảo bằng hệ thống hình phạt và các hình thức khác của TNHS khác được quy định trong BLHS. Với tinh thần đó, trong BLHS, nhà làm luật quy định ngày càng nhiều các chế tài và hình thức tham gia của nhân dân vào giáo dục, cảm hoá người dưới 18 tuổi phạm tội như áp dụng các biện pháp tư pháp hòa giải tại cộng đồng, hình phạt cải tạo không giam giữ, chế định miễn trách nhiệm hình sự, chế định án treo... Vấn đề là ở chỗ, những đòi hỏi của nguyên tắc dân chủ cũng chính là tiền đề, điều kiện của việc thực hiện được nội dung của nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự. Nói cách khác, dân chủ là biểu hiện của nhân đạo, là điều kiện để có nhân đạo bởi sức mạnh lớn lao của nó đối với việc giáo dục, cảm hoá người dưới 18 tuổi phạm tội, đối với phòng ngừa riêng và phòng ngừa chung của luật hình sự. Có thể nói rằng, nguyên tắc dân chủ xã hội chủ nghĩa và nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự hỗ trợ cho nhau, bổ sung cho nhau

nhằm thực hiện lòng tin của luật hình sự vào khả năng cải tạo, giáo dục người dưới 18 tuổi phạm tội dưới chế độ xã hội chủ nghĩa.

Ngoài các nguyên tắc nói trên, nguyên tắc nhân đạo còn có mối liên hệ chặt chẽ với các nguyên tắc khác của luật hình sự như nguyên tắc TNHS trên cơ sở lỗi, nguyên tắc trách nhiệm cá nhân, nguyên tắc không để lọt tội phạm (không thoát khỏi trách nhiệm), nguyên tắc phân hoá TNHS.

Từ những điều phân tích trên đây, có thể thấy nguyên tắc nhân đạo có phần đan xen, xâm nhập lẫn nhau với các nguyên tắc khác trong luật hình sự. Do đó, để thực hiện và thực hiện đầy đủ nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong luật hình sự, hoạt động xây dựng pháp luật hình sự và hoạt động áp dụng pháp luật hình sự phải tuân thủ đồng thời và nghiêm chỉnh tất cả các nguyên tắc của luật hình sự.

Chương 2

SỰ THỂ HIỆN CỦA NGUYÊN TẮC NHÂN ĐẠO ĐỐI VỚI NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI PHẠM TỘI TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

2.1. Khái quát sự thể hiện của nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong luật hình sự trước năm 2015

Để nhìn nhận một cách thấu đáo, sâu sắc những quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước ta thể hiện trong chính sách nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi phạm tội đòi hỏi phải có tầm nhìn xuyên suốt, trường tri thức sâu rộng, phải có tư duy toàn diện và đặc biệt phải luôn gắn kết với điều kiện hoàn cảnh lịch sử cụ thể. Quy định của pháp luật hình sự về tội phạm và hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội chỉ phản ánh một bộ phận của chính sách nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, tuy vậy phần nào cũng đã phản ánh, làm rõ, lột tả được những mục tiêu, quan điểm, đường lối xử lý về hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

Dưới góc nhìn và cách tiếp cận từ lịch sử, đặc biệt từ quy định của pháp luật hình sự Nhà nước ta đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trước khi ban hành BLHS năm 1985, nhận thấy, bên cạnh những quy định thể hiện rõ chính sách hình sự nhân đạo của nhà Lê trong việc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội được đề cập trong Bộ Quốc triều hình luật, thời kỳ Nhà nước phong kiến Việt Nam còn ghi nhận những tư tưởng nhân đạo thể hiện trong Bộ Hoàng Việt luật lệ hay còn gọi là Bộ luật Gia Long. Thực tiễn lịch sử đã minh chứng, từ đời Vua Gia Long đến đời Vua Tự Đức, các Hoàng đế đều rất quan tâm đến việc xây dựng và áp dụng pháp luật hình sự. Điểm nổi bật của các Bộ luật này đó là việc quy định có tính chất giảm nhẹ đặc biệt TNHS của người dưới 18 tuổi phạm tội thể hiện khá rõ nét, cho phép người dưới 18 tuổi phạm tội được chuộc bằng tiền, không bắt tội người dưới 18 tuổi thực hiện một số tội phạm khi họ ở độ tuổi quá nhỏ, việc áp dụng hình phạt cụ thể đối với người dưới 18 tuổi phạm tội thường được giảm nhẹ hơn so với người đã thành niên phạm tội tương ứng. Tính nhân đạo trong quy định của pháp luật hình sự về tội phạm và hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội của Nhà nước phong kiến

Việt Nam lại càng được khẳng định rõ nét hơn trong mỗi liên hệ so sánh với các quy định thể hiện CSHS hà khắc và hệ thống hình phạt tàn khốc của pháp luật hình sự thời kỳ phong kiến. Ngoài ra, một đặc điểm nữa về TNHS của người dưới 18 tuổi phạm tội trong pháp luật hình sự phong kiến là TNHS tập thể. Điều đó có nghĩa là, mặc dù bản thân người dưới 18 tuổi không trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, nhưng họ vẫn có thể bị đem ra xét xử và phải chịu hình phạt khi một người nào đó trong gia đình, dòng tộc thực hiện một trong những hành vi xâm hại nghiêm trọng đến quan hệ Vua tôi, an ninh quốc gia, tính mạng và sở hữu cá nhân. Nhưng cũng cần phải thấy rằng, nguyên tắc TNHS tập thể trong các Bộ luật này không làm mất đi giá trị tư tưởng nhân đạo trong việc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

Lần đầu tiên Nhà nước ta quy định khái niệm người dưới 18 tuổi tại một văn bản pháp lý đó là Sắc lệnh. Theo quy định tại Sắc lệnh số 97-SL ngày 22/5/1950 sửa đổi một số quy lệ và chế định trong dân luật, thì người dưới 18 tuổi là con trai hay con gái chưa đủ 18 tuổi. Đây được xem như là một căn cứ trong việc giải quyết nhiều vấn đề pháp luật quan trọng có liên quan đến người dưới 18 tuổi nói chung.

Tại Quyết định số 217-TTg ngày 18/12/1967 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức lại các trường giáo dục thiếu niên hư quy định về tuổi chịu TNHS như sau: “Nói chung, đối với trẻ em hư dưới 14 tuổi thì không đưa ra Tòa án xét xử; từ 14 tuổi đến 18 tuổi, nếu trường hợp phạm pháp cần thiết phải đưa ra xét xử thì có chậm chước đến tuổi còn non trẻ của chúng; Riêng đối với loại tuổi từ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi, chỉ nên xét xử trong trường hợp phạm tội nghiêm trọng.

Về những thiệt hại do hành vi của trẻ vị thành niên gây ra thì bố mẹ hoặc người đỡ đầu chúng phải chịu trách nhiệm bồi thường”. Như vậy, chỉ người nào từ đủ 14 tuổi trở lên mới phải chịu TNHS; còn người chưa đủ 14 tuổi không phải chịu TNHS về các hành vi phạm tội. Đối với các em dưới 14 tuổi phạm tội nghiêm trọng, nhất thiết phải xử lý nhưng xử lý bằng biện pháp đưa vào trường trẻ em hư mà không phải truy cứu TNHS.

Qua thực tiễn tổng kết công tác xét xử 4 năm từ năm 1965 đến năm 1968, Tòa án nhân dân tối cao đã đề ra chủ trương: “Về nguyên tắc, từ 14 tuổi tròn trở lên

được coi là có trách nhiệm về mặt hình sự. Nói chung đối với lứa tuổi từ 14 tuổi đến 16 tuổi thì chỉ nên truy tố, xét xử những trường hợp phạm các loại tội nghiêm trọng như giết người, cướp của, hiếp dâm... Đối với lứa tuổi từ 16 tuổi đến 18 tuổi, nếu hành vi phạm pháp có tính chất tương đối nghiêm trọng, nói chung cần xét xử, nhưng so với người lớn cần xử nhẹ hơn”. Quan điểm nêu trên đã thể hiện bản chất nhân đạo của Nhà nước ta đối với người dưới 18 tuổi phạm tội và mục đích xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội chủ yếu giáo dục là chính. Để hỗ trợ cho đường lối xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, thì đồng thời phải nghiêm trị bọn phạm tội người lớn lấy cắp, làm ăn phi pháp, chứa chấp, tiêu thụ của gian, lưu manh côn đồ, bọn lôi kéo, xúi giục trẻ em phạm tội là chính; cũng cần xử phạt nghiêm khắc một số ít người dưới 18 tuổi phạm tội đặc biệt nghiêm trọng. Mặc dù các chủ trương nêu trên mới chỉ là của Tòa án nhân dân tối cao, là những hướng dẫn mang tính chất đại cương nhưng đã được các ngành Công an, Viện kiểm sát và Tòa án coi như căn cứ pháp luật về tuổi chịu TNHS của người dưới 18 tuổi.

Theo hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao tại chuyên đề sơ kết kinh nghiệm xét xử các vụ án về người dưới 18 tuổi phạm tội (gửi kèm theo Công văn số 37-NCPL ngày 16/01/1976 của Tòa án nhân dân tối cao), thì: “Đối với những trường hợp NCTN từ 13 tuổi đến 14 tuổi có những hành vi xâm phạm nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an (như giết người, cố ý gây thương tích nặng) hoặc xâm phạm nghiêm trọng đến tài sản có tính chất hủy hoại (như đốt nhà gây hậu quả rất nghiêm trọng), đặc biệt đối với những hành vi mà người lớn thực hiện, thì có thể xử phạt tới hai mươi năm tù, tù chung thân hoặc tử hình, thì nếu căn cứ vào mọi tình tiết có thể kết luận được rằng:

Người dưới 18 tuổi đó đã nhận thức được tính nguy hiểm và chống đối xã hội của hành vi của mình, và nếu dư luận xã hội đặc biệt căm phẫn, mà không có một biện pháp tác động xã hội có thể thỏa mãn việc giáo dục riêng và phòng ngừa chung, thì cá biệt có thể xử phạt về hình sự nếu người đó bị truy cứu TNHS”. Như vậy, Tòa án nhân dân tối cao đã đưa ra đường lối xét xử đối với người dưới 18

tuổi phạm tội tùy thuộc vào từng nhóm lứa tuổi nhất định (lứa tuổi từ 13 tuổi đến 14 tuổi; lứa tuổi từ 14 tuổi đến 15 tuổi; lứa tuổi từ 16 tuổi đến 17 tuổi). Đồng thời, đối với những trường hợp phạm tội rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng, vụ án có nhiều người tham gia, có hay không việc áp dụng hình phạt chung thân, tử hình, việc tổng hợp hình phạt trong trường hợp vừa phạm tội lúc dưới 18 tuổi, vừa phạm tội khi đã thành niên được Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn cụ thể.

CSHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong thời kỳ này có tính chất giảm nhẹ và chủ yếu nhằm mục đích giáo dục là chính. Điều này xuất phát từ chính sách nhân đạo và quan điểm chỉ đạo của Đảng. Các văn bản hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao đều xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan có liên quan đến công tác giáo dục trẻ em, đồng thời chỉ rõ vai trò của Tòa án nhân dân trong việc giải quyết tình trạng người dưới 18 tuổi phạm tội. Theo đó, Tòa án cần phân biệt những trường hợp giao cho gia đình bảo lãnh giáo dục hoặc cho tập trung vào các trường trẻ em hư do cơ quan Công an phụ trách, với những trường hợp cần thiết phải đưa ra truy cứu trách nhiệm hình sự, xét xử trước Tòa án. Tính chất giảm nhẹ và mục đích giáo dục phòng ngừa là chính đối với người dưới 18 tuổi phạm tội còn được thể hiện trong việc hướng dẫn áp dụng hình phạt đối với đối tượng này của Tòa án nhân dân tối cao, cụ thể: trước thực trạng có một số đối tượng người dưới 18 tuổi từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi lêu lổng, có hành vi trộm cắp nhiều lần, có em bỏ nhà đi lang thang, liên tục trộm cắp, có khi nhập bọn với một số tên lưu manh chuyên nghiệp, sống bằng các nguồn làm ăn phi pháp... thì vấn đề đặt ra là có áp dụng tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp hay không? Về vấn đề này Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn như sau: “Đối với loại này không áp dụng tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp vì bị cáo tuổi đời còn ít, sớm bị quy là lưu manh chuyên nghiệp thì rất dễ đẩy chúng vào con đường tuyệt vọng”. Đồng thời, Tòa án nhân dân tối cao khẳng định: “Chỉ nên phạt tù giam một vị thành niên phạm tội trộm cắp nếu hành vi phạm tội có nhiều tình tiết nghiêm trọng, có tính chất nguy hiểm cao, nếu tội phạm của người dưới 18 tuổi có tính chất bình thường chỉ nên đưa vào trường

phổ thông công nông nghiệp, hoặc giao cho gia đình bảo lãnh (nếu có điều kiện) hoặc chỉ nên áp dụng biện pháp án treo”.

Hơn nữa, trong khi hướng dẫn xét xử đối với loại tội hiếp dâm do người dưới 18 tuổi thực hiện, Tòa án nhân dân tối cao đã chỉ rõ cơ sở của việc giảm nhẹ TNHS đối với người dưới 18 tuổi: “Nhìn chung đối với loại tội này cơ quan xét xử phải chú ý hơn nữa đến những suy nghĩ nhận thức của người dưới 18 tuổi phạm tội, họ có những nhận thức khác so với một số loại tội phạm thông thường như trộm cắp, giết người..., ở loại tội này bị cáo thường ít nhiều hiểu rằng đó là nguy hiểm, là có tội. Còn đối với tội hiếp dâm, người dưới 18 tuổi hành động theo bản năng tình dục của mình, họ không nghĩ rằng đó là hành vi nguy hiểm cho xã hội, là phạm tội và sẽ bị xử nặng. Do vậy, nếu can phạm từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi, chủ yếu nên dùng các biện pháp giáo dục như giao cho cha, anh, chú, bác bảo lãnh và giáo dục. Nếu can phạm từ đủ 16 đến 18 tuổi, trừ một số ít các trường hợp có tình tiết ít nghiêm trọng thì xử như hướng dẫn trên, nhìn chung cần xét xử về hình sự. Khi xét xử cần chiếu cố thích đáng đến trình độ hiểu biết pháp luật non kém và khả năng dễ tiếp thu cải tạo giáo dục của họ, đến việc họ chưa nhận thức được đầy đủ tính chất nguy hiểm của hành vi của mình mà xử nhẹ hơn các can phạm đã lớn tuổi... chỉ vào khoảng một phần hai mức án đối với các can phạm đã lớn tuổi”.

Có thể khẳng định, mặc dù còn có những hạn chế do chưa có một văn bản pháp luật hình sự thống nhất, nhiều chế định về tội phạm và hình phạt cũng như các biện pháp tư pháp chưa được quy định một cách chi tiết và rõ ràng. Tuy nhiên, pháp luật hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội thời kỳ này đã đề cập tương đối toàn diện những vấn đề có liên quan đến tội phạm và hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội như: vấn đề tuổi chịu trách nhiệm hình sự, mục đích của TNHS, các nguyên tắc xử lý và quyết định hình phạt... góp phần tạo ra cơ sở pháp lý cho công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và tội phạm do người dưới 18 tuổi thực hiện nói riêng.

Đứng trước yêu cầu phải tạo ra những thay đổi căn bản trong đời sống xã hội nói chung, trong đó có lĩnh vực đấu tranh phòng, chống tội phạm, Đảng và Nhà

nước ta đã chủ trương hoàn thiện thêm một bước hệ thống pháp luật hình sự. BLHS năm 1985 ra đời trong hoàn cảnh đó và đã kịp thời đáp ứng những yêu cầu nhiệm vụ của cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, phục vụ nhiệm vụ cách mạng mới: “Đó là xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”.

Với bản chất chất tốt đẹp của Nhà nước xã hội chủ nghĩa, Đảng và Nhà nước đã giành một sự quan tâm thích đáng cho công tác chăm sóc, giáo dục thiếu niên nhi đồng, đặc biệt là lứa tuổi dưới 18 tuổi. Trên tinh thần đó, BLHS năm 1985 lần đầu tiên trong lịch sử pháp luật hình sự nước ta đã dành một chương quy định những vấn đề có liên quan đến người dưới 18 tuổi phạm tội (từ Điều 57 đến Điều 67 chương VII BLHS). Việc quy định này thể hiện bước tiến bộ rõ rệt trong nhận thức và thực tiễn lập pháp ở nước ta, thực hiện triệt để CSHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội và các nguyên tắc cơ bản trong phân hóa TNHS và cá thể hóa hình phạt đối với đối tượng đặc biệt này.

Theo quy định của BLHS năm 1985, thì người từ đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi phải chịu TNHS về những tội phạm nghiêm trọng do cố ý; người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu TNHS về mọi tội phạm. Người dưới 18 tuổi phạm tội phải chịu TNHS theo những quy định của chương này, đồng thời theo những quy định khác của phần chung Bộ luật không trái với những quy định của chương này. Đồng thời, tại Điều 59 BLHS quy định những nguyên tắc cơ bản về xử lý những hành vi phạm tội của người dưới 18 tuổi, theo đó việc xử lý hành vi phạm tội của người dưới 18 tuổi chủ yếu nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội. Trong mọi trường hợp điều tra, truy tố, xét xử hành vi phạm tội của người dưới 18 tuổi, các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phải xác định khả năng nhận thức của họ về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nguyên nhân và điều kiện gây ra tội phạm. Đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, Viện kiểm sát và Tòa án phải áp dụng chủ yếu những biện pháp giáo dục, phòng ngừa; gia đình, nhà trường và xã hội có trách nhiệm tham gia tích cực vào thực hiện những biện pháp ấy. Viện kiểm sát có thể quyết định miễn

truy cứu TNHS người dưới 18 tuổi phạm tội nếu người đó phạm tội ít nghiêm trọng, gây hại không lớn, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và nếu được gia đình hoặc cơ quan, tổ chức xã hội nhận trách nhiệm giám sát, giáo dục. Chỉ đưa người dưới 18 tuổi phạm tội ra xét xử và áp dụng hình phạt đối với họ trong những trường hợp cần thiết, căn cứ vào tính chất nghiêm trọng của hành vi, vào những đặc điểm về nhân thân và yêu cầu của việc phòng ngừa. Không xử phạt tù chung thân hoặc tử hình người dưới 18 tuổi phạm tội. Khi phạt tù có thời hạn, Tòa án cho người dưới 18 tuổi phạm tội được hưởng mức án nhẹ hơn mức án áp dụng đối với người đã thành niên. Người dưới 18 tuổi phải được giam riêng. Không xử phạt tiền và không áp dụng các hình phạt bổ sung đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Án đã tuyên đối với người dưới 18 tuổi phạm tội khi chưa đủ 16 tuổi thì không tính để xác định tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm. Toàn bộ những quy định trên đây đã phản ánh đầy đủ và chính xác tính nhân đạo trong CSHS của Nhà nước đối với việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội.

Ngoài ra, liên quan đến hoạt động hình sự hóa, phi hình sự hóa và cũng nhằm thể chế hóa các nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, BLHS năm 1985 quy định các biện pháp tư pháp và hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Điều đáng chú ý là BLHS đã quy định các biện pháp tư pháp lên trước sau đó mới quy định hệ thống hình phạt có thể được áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Điều này thể hiện một cách cụ thể nguyên tắc lấy giáo dục, phòng ngừa là chính, việc áp dụng hình phạt chỉ là biện pháp cuối cùng. BLHS năm 1985 cũng đã có những quy định nhân đạo trong xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội so với người đã thành niên phạm tội, như quy định về miễn TNHS, giảm thời hạn chấp hành hình phạt và xóa án tích.

Có thể nhận thấy, quan điểm của Đảng và Nhà nước ta trong việc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội là hạn chế áp dụng các hình phạt tước tự do, mở rộng và tăng cường áp dụng các hình phạt không tước tự do, huy động sự tham gia của toàn xã hội, các tổ chức đoàn thể, chính quyền địa phương và người thân của người dưới 18 tuổi phạm tội vào quá trình giáo dục, cảm hóa giúp họ sửa chữa sai

lầm, sớm trở về tái hòa nhập cộng đồng xã hội. Từ khi ban hành BLHS năm 1999, quy định của pháp luật hình sự về tội phạm và hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội có một số điểm mới đáng chú ý sau đây:

Thứ nhất, thu hẹp phạm vi xử lý hình sự đối với người dưới 18 tuổi ở độ tuổi từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi (Điều 12). Theo đó, người từ đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, tức là chỉ phải chịu TNHS về những tội cố ý mà luật quy định mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là trên 7 năm tù hoặc các tội mà luật quy định mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là từ trên 15 năm tù.

Thứ hai, nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội (Điều 69) quy định rõ trường hợp miễn TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội và việc truy cứu TNHS đối với họ chỉ đặt ra trong trường hợp thật cần thiết.

Việc miễn TNHS cho người dưới 18 tuổi phạm tội được đặt ra trong các giai đoạn tố tụng từ điều tra, truy tố đến xét xử, nếu cơ quan điều tra, Viện kiểm sát hoặc Tòa án thấy tội phạm mà người dưới 18 tuổi thực hiện là tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng, gây hại không lớn, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 46 và được gia đình hoặc cơ quan, tổ chức nhận giám sát, giáo dục (theo BLHS năm 1985 thì chỉ có Viện kiểm sát thực hiện quyền này và cũng chỉ với tội ít nghiêm trọng).

Việc truy cứu trách nhiệm hình sự người dưới 18 tuổi phạm tội và áp dụng hình phạt đối với họ được thực hiện chỉ trong trường hợp cần thiết và phải căn cứ vào tính chất của hành vi phạm tội, vào những đặc điểm về nhân thân và yêu cầu của việc phòng ngừa tội phạm. Ngay cả khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử, nếu xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, thì Tòa án không áp dụng hình phạt mà áp dụng biện pháp tư pháp như giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc đưa vào trường giáo dưỡng.

Việc BLHS năm 1999 quy định cho phép áp dụng hình phạt tiền đối với người dưới 18 tuổi phạm tội từ đủ 16 tuổi trở lên là tạo thêm cơ hội hạn chế xử phạt tù đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

Thứ ba, biện pháp tư pháp đối với người dưới 18 tuổi phạm tội (Điều 70) quy định biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn thay cho biện pháp buộc phải chịu thử thách. Như vậy, các biện pháp tư pháp áp dụng với người dưới 18 tuổi phạm tội gồm: Giáo dục tại xã, phường, thị trấn và đưa vào trường giáo dưỡng.

Thứ tư, hình phạt áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội (Điều 71) quy định thêm hình phạt tiền, quy định rõ mức phạt tù tối đa, giảm mức hình phạt và xóa án tích. Như vậy, các hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội bao gồm cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ và tù có thời hạn.

Trong những trường hợp cần thiết phải xử lý về hình sự đối với những hành vi do người dưới 18 tuổi thực hiện thì việc quy kết TNHS đối với họ không đồng nhất với việc buộc họ phải chịu một hình phạt. Chính sách xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội chủ yếu là nhằm giáo dục, giúp đỡ họ nhận rõ sai lầm để tự giác sửa chữa. Chính vì vậy, theo pháp luật hình sự Việt Nam, người dưới 18 tuổi phạm tội chỉ bị áp dụng một trong bốn loại hình phạt là: cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ và hình phạt tù có thời hạn. So với hệ thống hình phạt quy định áp dụng đối với tội phạm nói chung, hệ thống hình phạt quy định áp dụng đối với tội phạm do người dưới 18 tuổi thực hiện được thu hẹp, có mức độ nghiêm khắc thấp hơn. Trong bốn loại hình phạt có thể được áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội thì có tới ba hình phạt thuộc loại không tước tự do, duy nhất chỉ có hình phạt tù có thời hạn là bị tước tự do.

Tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội về cơ bản không có gì khác so với BLHS năm 1985. Theo đó, đối với người phạm nhiều tội, có tội được thực hiện trước khi đủ 18 tuổi, có tội được thực hiện sau khi đủ 18 tuổi, thì việc tổng hợp hình phạt áp dụng như sau: Nếu tội nặng nhất được thực hiện khi người đó chưa đủ 18 tuổi, thì hình phạt chung không được vượt quá mức hình phạt cao nhất quy định tại Điều 74 của Bộ luật này; Nếu tội nặng nhất được thực hiện khi người

đó đã đủ 18 tuổi, thì hình phạt chung áp dụng như đối với người đã thành niên phạm tội. Đồng thời, thời hạn để xóa án tích đối với người dưới 18 tuổi là một phần hai thời hạn quy định tại Điều 64 của Bộ luật này. Người dưới 18 tuổi phạm tội, nếu được áp dụng những biện pháp tư pháp quy định tại khoản 1 Điều 70 của Bộ luật này, thì không bị coi là có án tích.

Vấn đề xóa án tích đối với người dưới 18 tuổi phạm tội chỉ được đặt ra khi người dưới 18 tuổi phạm tội bị áp dụng hình phạt. Còn trường hợp người dưới 18 tuổi bị áp dụng những biện pháp tư pháp có tính giáo dục phòng ngừa, thì không bị coi là có án tích. Cũng giống như người đã thành niên, đối với người dưới 18 tuổi phạm tội có ba hình thức xóa án tích là đương nhiên xóa án tích, xóa án tích theo quyết định của Tòa án, xóa án tích trong trường hợp đặc biệt.

Với quan điểm thể chế hóa một bước chủ trương nhân đạo hóa hình phạt theo chỉ đạo của Nghị quyết số 08/NQ-TW và Nghị quyết số 49/NQ-TW, cụ thể là: “..Hạn chế áp dụng hình phạt tử hình theo hướng chỉ áp dụng đối với một số ít loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Giảm bớt khung hình phạt tối đa quá cao trong một số loại tội phạm. Khắc phục tình trạng hình sự hóa quan hệ kinh tế, quan hệ dân sự và bỏ lọt tội phạm. Quy định là tội phạm đối với những hành vi nguy hiểm cho xã hội mới xuất hiện trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, khoa học, công nghệ và hội nhập quốc tế”. Tập trung vào sửa đổi, bổ sung một số điều khoản thật sự cần thiết nhằm góp phần tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm hiện nay và đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế, tạo điều kiện cho việc sửa đổi, bổ sung toàn diện BLHS năm 1999 trong tương lai.

Đồng thời, việc sửa đổi, bổ sung BLHS được tiến hành trên cơ sở tổng kết thực tiễn thi hành BLHS của các cơ quan chức năng, đặc biệt là của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án; phải đảm bảo tính đồng bộ của hệ thống pháp luật, nhất quán với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan và tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm lập pháp và tổ chức thực hiện pháp luật hình sự của các nước trong khu vực và trên thế giới, góp phần thực hiện các nghĩa vụ quốc tế mà Nhà nước Việt Nam đã cam kết trong các điều ước quốc tế song phương hoặc đa phương, tạo

cơ sở pháp lý để tăng cường hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng, chống tội phạm. Liên quan đến các quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, Khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung BLHS sửa đổi Khoản 5 Điều 69 BLHS về nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo hướng: Không áp dụng tù chung thân hoặc tử hình đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Khi áp dụng hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội cần hạn chế áp dụng hình phạt tù. Khi xử phạt tù có thời hạn, Tòa án cho người dưới 18 tuổi phạm tội được hưởng mức án nhẹ hơn mức án áp dụng đối với người đã thành niên phạm tội tương ứng”. Việc bổ sung quy định “Khi áp dụng hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội cần hạn chế áp dụng hình phạt tù” là phù hợp với đặc điểm của người dưới 18 tuổi phạm tội và thực hiện cam kết của Nhà nước ta với cộng đồng quốc tế, nội luật hóa nguyên tắc được ghi nhận trong Công ước Liên hợp quốc về Quyền trẻ em, đó là việc giam giữ chỉ được áp dụng cuối cùng khi không còn biện pháp nào khác. Nguyên tắc mới được bổ sung này sẽ góp phần bảo đảm tốt hơn với người dưới 18 tuổi phạm tội, việc giáo dục, cải tạo họ được ưu tiên thực hiện trong môi trường xã hội bình thường, chỉ khi thật cần thiết mới buộc họ phải cách ly khỏi xã hội.

2.2. Sự thể hiện của nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Trên cơ sở phân tích, đánh giá toàn diện bối cảnh mới và yêu cầu tiếp tục sửa đổi cơ bản, toàn diện BLHS năm 1999, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình mới, nhằm thể chế hóa quan điểm mới về CSHS của Đảng và Nhà nước ta trong tình hình hiện nay, thực hiện chủ trương cải cách tư pháp theo tinh thần của Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XI của Đảng và các Nghị quyết của Bộ Chính trị như: Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới; Nghị quyết số 48/NQ-TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020. Đặc biệt, với sự phát triển, bổ sung và đề cao quyền con người,

quyền cơ bản của công dân trong Hiến pháp 2013 đặt ra yêu cầu phải tiếp tục hoàn thiện các quy định của BLHS hiện hành để làm cho các quyền này của người dân được thực hiện trên thực tế. Đồng thời, xu thế chủ động hội nhập quốc tế đã trở thành nhu cầu nội tại của Việt Nam.

Trên thực tế, Việt Nam đã tham gia nhiều tổ chức quốc tế, tổ chức khu vực và đã trở thành thành viên của nhiều điều ước quốc tế đa phương, song phương. Một trong những định hướng quan trọng khi sửa đổi BLHS chính là hoàn thiện CSHS theo hướng đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội; tôn trọng và bảo đảm thực thi đầy đủ các quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân được ghi nhận trong Hiến pháp năm 2013. Đây là định hướng cơ bản thể hiện rõ chính sách nhân đạo của Đảng và Nhà nước ta trong việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội. Việc đề cao tính chất phòng ngừa và tính hướng thiện, trong việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội; tôn trọng và bảo đảm thực thi các quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân theo tinh thần của Hiến pháp năm 2013 được thể hiện ở việc cần tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện chính sách hình sự liên quan đến người dưới 18 tuổi phù hợp với tinh thần Công ước liên hợp quốc về Quyền trẻ em, tập trung vào một số nội dung sau:

Một là, hoàn thiện các nguyên tắc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội theo hướng bảo đảm lợi ích tốt nhất cho các em, đồng thời có cơ chế bảo vệ tốt hơn người dưới 18 tuổi bị tội phạm xâm hại;

Hai là, nghiên cứu khả năng hạn chế phạm vi truy cứu TNHS đối với NCTN từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi theo hướng chỉ coi là tội phạm khi người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thực hiện một số tội phạm cụ thể và được quy định trực tiếp trong phần các tội phạm.

Ba là, nghiên cứu hạn chế khả năng áp dụng hình phạt tù trên cơ sở quy định chặt chẽ hơn điều kiện áp dụng hình phạt này đối với người dưới 18 tuổi; tăng cường áp dụng các hình phạt không tước tự do đối với người dưới 18 tuổi từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội ít nghiêm trọng, tội nghiêm trọng; người dưới 18 tuổi từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng.

Bốn là, bổ sung quy định về tha tù trước thời hạn có điều kiện áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội để đưa người dưới 18 tuổi bị kết án phạt tù sớm trở về với cộng đồng.

Năm là, nghiên cứu bổ sung quy định áp dụng biện pháp xử lý thay thế biện pháp hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Theo BLHS 2015, chính sách xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội được quy định tại Chương XII gồm 18 điều luật (từ điều 90 đến Điều 107) và chia thành 05 mục:

- Mục 1: Quy định chung về xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, gồm 02 điều luật quy định về áp dụng BLHS và các nguyên tắc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội

- Mục 2: Các biện pháp giám sát, giáo dục áp dụng trong trường hợp được miễn trách nhiệm hình sự, gồm 04 điều quy định về điều kiện áp dụng, nghĩa vụ của người được áp dụng biện pháp giám sát, giáo dục.

- Mục 3: Biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, gồm 2 điều luật quy định về điều kiện áp dụng, nghĩa vụ của người chấp hành án và việc chấm dứt trước thời hạn giáo dục tại trường giáo dưỡng.

- Mục 4: Hình phạt, gồm 4 điều luật quy định về các hình phạt, điều kiện áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

- Mục 5: Quyết định hình phạt, tổng hợp hình phạt, miễn giảm hình phạt, xoá án tích, gồm 06 điều luật quy định về cách thức tổng hợp hình phạt, mức hình phạt trong trường hợp người dưới 18 tuổi chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt, phạm nhiều tội hay tổng hợp hình phạt của nhiều bản án; giảm mức hình phạt đã tuyên; điều kiện áp dụng chế định tha tù trước thời hạn có điều kiện và vấn đề xoá án tích đối với người dưới 18 tuổi.

So với BLHS 1999 thì BLHS 2015 có những nội dung mới thể hiện chính sách nhân đạo của Đảng và nhà nước trong xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội cũng như có nhiều sự điều chỉnh về mặt pháp lý. Trước tiên, là về thuật ngữ. BLHS 1999 sử dụng thuật ngữ “người dưới 18 tuổi” để chỉ đối tượng là người dưới 18 tuổi, thuật ngữ “trẻ em” để chỉ đối tượng là người dưới 16 tuổi, đồng thời có sự phân hoá

trong chính sách xử lý đối với trẻ em và người dưới 18 tuổi phạm tội cũng như quy định xử lý nặng hơn khi đối tượng bị xâm hại là trẻ em, người dưới 18 tuổi trong một số cấu thành tội phạm cụ thể. Ví dụ như tội giết người, tội mua bán trẻ em... Tuy nhiên, BLHS 2015 đã sử dụng thuật ngữ “người dưới 18 tuổi” thay cho thuật ngữ “người chưa thành niên” và “người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi” thay cho thuật ngữ “trẻ em” để cụ thể hoá đối tượng, tạo sự minh bạch, rõ ràng trong quy định của pháp luật và về phần nội dung, BLHS 2015 đã tiếp tục hoàn thiện CSHS đối với người dưới 18 tuổi (người dưới 18 tuổi phạm tội) nhằm đảm bảo sự phù hợp chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta về tăng cường bảo vệ người dưới 18 tuổi, đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện, đặc biệt là nguyên tắc nhân đạo trong việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội được ghi nhận tại các Nghị quyết số 48/NQ-TW và số 49/NQ-TW của Bộ Chính trị, đồng thời đảm bảo sự phù hợp Công ước của Liên hợp quốc về Quyền trẻ em và các chuẩn mực pháp lý quốc tế về tư pháp đối với người dưới 18 tuổi. Những nội dung sửa đổi, bổ sung về chính sách đối với người dưới 18 tuổi phạm tội tập trung vào các vấn đề:

- Tiếp tục hoàn thiện quy định về nguyên tắc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội;
- Bổ sung các biện pháp giám sát, giáo dục trong trường hợp người dưới 18 tuổi được miễn TNHS;
- Hoàn thiện hệ thống chế tài đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo hướng tăng cường khả năng áp dụng các chế tài không tước tự do;
- Bổ sung các chế định pháp lý về quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt, tổng hợp hình phạt, miễn chấp hành phần hình phạt tù còn lại;
- Hoàn thiện quy định về xoá án tích đối với người dưới 18 tuổi bị kết án theo hướng tạo điều kiện thuận lợi cho các em tái hoà nhập cộng đồng.

2.2.1 Sự thể hiện của nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong quy định về tuổi chịu trách nhiệm hình sự và phạm vi xử lý hình sự

Theo quy định của BLHS 1999, các tội phạm mà người dưới 18 tuổi phải chịu TNHS là khá rộng và quan trọng hơn là quy định này không rõ ràng, minh bạch nên bản thân các em không thể hoặc khó có thể biết được chính xác khi nào thì hành vi do mình thực hiện bị coi là tội phạm. Thực tế cho thấy, những trường hợp trẻ em từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi tự mình thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng là không nhiều và chủ yếu tập trung vào một số tội phạm thuộc nhóm các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm con người, các tội xâm phạm sở hữu, còn lại phần lớn các trường hợp khác các em tham gia thực hiện tội phạm là do bị người lớn xúi giục, lôi kéo, mua chuộc, đe dọa... Bản thân các em không nhận thức được một cách đầy đủ về tính chất, mức độ nguy hiểm của loại tội phạm mà mình đã thực hiện. Vì vậy, việc xử lý hình sự đối với các em trong những trường hợp này có phần quá nghiêm khắc và ít có tác dụng giáo dục, phòng ngừa, giúp các em nhận ra và sửa chữa lỗi lầm của bản thân.

Căn cứ vào đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi người dưới 18 tuổi, trên cơ sở quán triệt quan điểm nhân đạo hoá và tăng tính hướng thiện của CSHS đối với lứa tuổi này và trên tinh thần vì lợi ích tốt nhất của các em, quy định của BLHS 1999 về tuổi chịu TNHS đã được sửa đổi bổ sung một cách cơ bản theo hướng thu hẹp phạm vi xử lý hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, đặc biệt là đối với lứa tuổi từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi. Điều luật này có 02 điểm mới đáng chú ý:

Một là, khoản 1 Điều 12 của BLHS 2015 tiếp tục kế thừa quy định của BLHS 1999 về TNHS của người từ đủ 16 tuổi trở lên, theo đó: “người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu TNHS về mọi tội phạm”; đồng thời, bổ sung quy định loại trừ: “trừ những tội phạm mà Bộ luật này quy định khác” để loại trừ trường hợp quy định chủ thể đặc biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa quy định của phần chung và quy định trong phần các tội phạm cụ thể.

Hai là, so với BLHS 1999 thì BLHS 2015 đã thu hẹp đáng kể phạm vi TNHS của người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi, đồng thời chỉ rõ những tội danh mà các em phải chịu TNHS. Quy định này thể hiện chính sách nhân đạo và hướng thiện đối với trẻ em theo hướng đảm bảo lợi ích tốt nhất cho các em trên tinh thần vẫn đảm bảo yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong lứa tuổi thanh thiếu niên, đồng thời góp phần nâng cao tính minh bạch của BLHS, qua đó nâng cao tính giáo dục phòng ngừa tội phạm đối với các em ở độ tuổi này. Theo quy định tại khoản 2 Điều 12 của BLHS 2015 thì người đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu TNHS về 28 tội danh được nêu tại khoản 2 Điều 12 của Bộ luật. Cụ thể, các em phải chịu TNHS khi phạm tội rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng thuộc 26 tội danh có 03 tội danh khác (cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác; hiếp dâm; bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản) thì các em phải chịu TNHS kể cả trong trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng hoặc nghiêm trọng. Như vậy, theo quy định này, riêng đối với 03 tội danh này thì phạm vi chịu TNHS của người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi có mở rộng hơn so với BLHS 1999. BLHS 2015 chỉ rõ hơn những tội phạm cụ thể mà người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu TNHS, các em chỉ phải chịu TNHS về việc thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng ở 28 tội danh trong số 314 tội danh thuộc 04 nhóm tội phạm: Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm con người; các tội xâm phạm sở hữu, các tội phạm về ma túy và các tội xâm phạm an toàn công cộng.

Ngoài ra, BLHS 2015 quy định về TNHS của người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi đối với hành vi chuẩn bị phạm tội đối với một trong 2 tội danh là tội Giết người và Cướp tài sản tại Điều 14 BLHS 2015.

Trong BLHS 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 liên quan đến các vấn đề về TNHS đối với NCTN hay người dưới 18 tuổi phạm tội, nhà làm luật Việt Nam đã có thay đổi trong cách thức quy định và tiếp cận vấn đề theo những định hướng tiên bộ. Không chỉ thu hẹp phạm vi các tội phạm mà người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu TNHS và giữ nguyên phạm vi các tội mà người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phải chịu TNHS, BLHS 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 còn có những

thay đổi rõ rệt trong cách tiếp cận các vấn đề về nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo hướng nhấn mạnh “lợi ích tốt nhất” của họ, hoàn thiện hệ thống chế tài đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo hướng tăng cường khả năng áp dụng các chế tài không tước tự do, bổ sung cơ chế tha tù trước thời hạn có điều kiện, thay đổi cách thức khi quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt, tổng hợp hình phạt, giảm mức hình phạt đã tuyên, xoá án tích cho người dưới 18 tuổi phạm tội theo hướng tạo điều kiện cho các em sớm được tái hoà nhập cộng đồng trong khi vẫn đảm bảo được các yêu cầu về giám sát, giáo dục họ.

2.2.2. Sự thể hiện của nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong quy định về nguyên tắc xử lý

Nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội là một trong những vấn đề cần lưu ý hàng đầu khi bàn về TNHS của người dưới 18 tuổi phạm tội. Các nước trên thế giới đều xác định cho mình một tiêu chí khác nhau, trong đó mỗi quốc gia đều đưa ra quan điểm của mình, thể hiện CSHS của chính quốc gia đó. Nhìn chung các quốc gia đều thấm nhuần nguyên tắc nhân đạo (tuy ở các mức độ khác nhau) khi xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội.

Đề cập đến việc sửa đổi quy định về nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội tại điều 69 BLHS 1999 với tư cách là “những nguyên tắc quan trọng có tính định hướng cho việc xây dựng các điều luật khác tại Chương X các quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, đồng thời đóng vai trò là kim chỉ nam cho cơ quan, người tiến hành tổ tụng trong việc áp dụng các quy định của BLHS để xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội” thì ban soạn thảo BLHS 2015 lại nhấn mạnh “Việc sửa đổi bổ sung Điều 69 BLHS 1999 theo hướng làm đậm nét và ghi nhận đầy đủ hơn một số nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội đã được quy định tại Công ước Quyền trẻ em và các chuẩn mực quốc tế khác có liên quan vừa đảm bảo tăng cường hiệu quả giáo dục, phục hồi đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, vừa thể hiện quan điểm của Đảng và Nhà nước ta trong việc thực hiện các cam kết quốc tế về bảo vệ, giáo dục trẻ em nói chung và người dưới 18 tuổi phạm tội nói

riêng, là nỗ lực trong việc làm hài hoà giữa hệ thống pháp luật quốc gia với Công ước Quyền trẻ em...”

Điều 91 BLHS 2015 quy định các nguyên tắc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội, đây là những nguyên tắc định hướng chi phối việc xây dựng các quy định về TNHS của người dưới 18 tuổi, đồng thời cũng là những nguyên tắc quan trọng trong việc áp dụng pháp luật hình sự xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội. Các nguyên tắc nêu trong Điều 91 BLHS 2015 được xây dựng dựa trên các chuẩn mực quốc tế về bảo vệ trẻ em và quan điểm của Nhà nước ta về CSHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội và đã có một số điều chỉnh so với quy định của BLHS 1999, theo 03 hướng cơ bản là nguyên tắc chủ đạo trong xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, nguyên tắc về áp dụng hình phạt đối với người dưới 18 tuổi và nguyên tắc chuyển hướng.

a) Nguyên tắc chủ đạo trong xử lý người dưới 18 tuổi: Một trong những nguyên nhân, điều kiện thúc đẩy người dưới 18 tuổi phạm tội là sự hạn chế, thiếu sót trong quá trình nuôi dưỡng, giáo dục của gia đình, nhà trường, xã hội. Mặt khác, nhận thức của con người đối với những đòi hỏi của xã hội về chuẩn mực hành vi được hình thành trong quá trình sống thông qua sự tương tác giữa cá nhân với môi trường xung quanh, nếu môi trường này tích cực sẽ tác động nâng đỡ, nuôi dưỡng, phát triển họ thành những cá nhân tốt cho xã hội, ngược lại sẽ hủy hoại, tác động xấu đến sự phát triển và hệ quả có thể đưa đến hành vi phạm tội. Ngoài ra, cuộc sống của người dưới 18 tuổi còn thời gian dài trong tương lai và việc giáo dục sẽ có thể giúp họ sửa chữa, khắc phục những khiếm khuyết. Chính vì vậy, Công ước quyền trẻ em yêu cầu trong mọi hoạt động của trẻ em, lợi ích tốt nhất phải là mối quan tâm hàng đầu và Quy tắc bảo vệ người dưới 18 tuổi bị tước tự do năm 1990 cũng quy định hệ thống tư pháp người dưới 18 tuổi phải duy trì, bảo vệ các quyền, sự an toàn cho người dưới 18 tuổi, khuyến khích sự phát triển tốt nhất về thể chất và tinh thần cho họ, việc giam giữ chỉ nên sử dụng như là biện pháp cuối cùng. Phù hợp với những chuẩn mực quốc tế về bảo vệ người dưới 18 tuổi, Khoản 1 và Khoản 3 Điều

91 BLHS 2015 nêu nguyên tắc chủ đạo trong việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội đã có những điều chỉnh như:

- Bổ sung nguyên tắc “việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội phải bảo đảm lợi ích tốt nhất cho người dưới 18 tuổi”; “Việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội phải căn cứ vào độ tuổi, khả năng nhận thức của họ về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nguyên nhân và điều kiện gây ra tội phạm” và “Việc truy cứu TNHS người dưới 18 tuổi phạm tội chỉ trong trường hợp cần thiết và phải căn cứ vào những đặc điểm về nhân thân của họ, tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và yêu cầu của việc phòng ngừa tội phạm”. Đây là nguyên tắc định hướng cho cán bộ tố tụng khi quyết lựa chọn biện pháp xử lý cụ thể đối với người dưới 18 tuổi, nhằm tìm ra biện pháp phù hợp nhất đối với các em. Nội dung của nguyên tắc này là đòi hỏi việc truy cứu TNHS đối với người dưới 18 tuổi chỉ được áp dụng trong những trường hợp thực sự cần thiết trên cơ sở yêu cầu phòng ngừa tội phạm. Nghĩa là khi có sự chọn lựa giữa việc truy cứu TNHS và không truy cứu TNHS thì chỉ truy cứu TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội khi điều này là cần thiết do yêu cầu của việc phòng ngừa tội phạm.

Để đánh giá yêu cầu phòng ngừa tội phạm, cần dựa vào đặc điểm nhân thân phản ánh đặc điểm, yếu tố tiêu cực cũng như tích cực ở họ và đồng thời đánh giá tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà họ thực hiện. Nguyên tắc xử lý người dưới 18 tuổi cũng yêu cầu trong mọi trường hợp, các cơ quan có thẩm quyền phải căn cứ vào độ tuổi, khả năng nhận thức của họ về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nguyên nhân và điều kiện phạm tội. Các cơ quan, tổ chức, các nhân khi tiến hành một hoạt động liên quan đến việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội cần cân nhắc, xem xét toàn diện lợi ích của người dưới 18 tuổi, việc xử lý phải bảo đảm hướng đến mục đích chủ yếu là giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành người có ích cho xã hội và đảm bảo rằng quyết định đó là tốt nhất cho các em trong mối quan hệ hài hoà với các lợi ích khác cũng như bảo đảm sự nghiêm minh của pháp luật.

b) Nguyên tắc xử lý chuyển hướng: Thực tiễn xử lý người dưới 18 tuổi cho thấy các chế tài giam giữ trong nhiều trường hợp tiềm ẩn những nguy cơ bất lợi cho sự phát triển về thể chất, tâm lý, nhân cách cũng như quá trình tái hòa nhập cộng đồng của họ, do vậy xử lý chuyển hướng ngày càng được áp dụng rộng rãi. Xử lý chuyển hướng là một quá trình thay thế nhằm xử lý các vi phạm của người dưới 18 tuổi bằng các biện pháp nằm ngoài hệ thống tư pháp truyền thống, tăng cường yếu tố tham gia của cộng đồng. Xử lý chuyển hướng có thể được cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng vào bất cứ thời điểm nào trong quá trình tố tụng khi thấy cần thiết. Việc người dưới 18 tuổi phạm tội thực hiện tội phạm cho thấy quá trình giáo dục, hình thành nhân cách của họ có khiếm khuyết. Để khắc phục các khiếm khuyết mà không cần đến hệ thống tư pháp chính thức thì vai trò của gia đình, cộng đồng và các nạn nhân là quan trọng. Tuy nhiên, hoạt động này chỉ thực sự có ý nghĩa khi người dưới 18 tuổi tự nguyện đồng ý. Nếu việc hòa giải tại cộng đồng học giáo dục tại cộng đồng gây thêm áp lực tâm lý cho người dưới 18 tuổi thì ý nghĩa thực sự của việc xử lý chuyển hướng liên quan đến cộng đồng phải được sự đồng ý của người dưới 18 tuổi phạm tội. Tương ứng với các quy định nêu trên, BLHS 2015 quy định sửa đổi nguyên tắc tại Điều 69 khoản 4 của BLHS thành “Khi xét xử, Tòa án chỉ áp dụng hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội nếu xét thấy việc miễn trách nhiệm hình sự và áp dụng một trong các biện pháp quy định tại Mục 2 hoặc việc áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng quy định tại Mục 3 Chương này không bảo đảm hiệu quả giáo dục, phòng ngừa” (Điều 91 BLHS 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017). Mục 2 Chương XII BLHS 2015 quy định về các trường hợp miễn TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. khi được miễn TNHS, trong những trường hợp này, người dưới 18 tuổi phạm tội sẽ được áp dụng một trong các biện pháp giám sát, giáo dục là khiển trách, hòa giải tại cộng đồng hoặc giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc biện pháp tư pháp đưa vào trường giáo dưỡng. Các biện pháp giám sát, giáo dục về bản chất là khuyến khích sự tham gia của gia đình và cộng đồng vào việc giáo dục, cải tạo người dưới 18 tuổi giúp họ sửa chữa, khắc phục

những khiếm khuyết trước đây:Biện pháp khiển trách và hòa giải tại cộng đồng là hai biện pháp lần đầu tiên quy định trong BLHS 2015.

Về Khoản 2 Điều 91 BLHS 2015 đư ra quy định cụ thể liên quan đến các trường hợp được miễn TNHS và áp dụng biện pháp giám sát, giáo dục. Những điều kiện chung cho các trường hợp được miễn TNHS gồm: Phạm tội trong trường hợp có nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS; Người dưới 18 tuổi phạm tội đã tự nguyện khắc phục phần lớn hậu quả tội phạm và không thuộc trường hợp được miễn TNHS áp dụng cho mọi người dưới 18 tuổi phạm tội, bao gồm người từ đủ 18 tuổi trở lên trong trường hợp theo Điều 29 BLHS, người dưới 18 tuổi phạm tội được miễn TNHS mà không phải chịu thêm bất cứ biện pháp giáo dục, giám sát nào. Đồng thời, khoản 2 Điều 91 BLHS cũng quy định những trường hợp cụ thể được xem xét miễn TNHS và áp dụng cá biện pháp giám sát, giáo dục phân hóa theo độ tuổi, loại tội phạm hoặc vai trò của người dưới 18 tuổi phạm tội trong vụ án. Nguyên tắc này có nghĩa là việc chọn lựa áp dụng miễn TNHS và sau đó áp dụng các biện pháp giám sát, giáo dục như khiển trách, hoà giải tại cộng đồng, giáo dục tại xã, phường, thị trấn... sẽ phải được cân nhắc đến trước tiên khi các cơ quan có thẩm quyền chọn lựa biện pháp xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Chỉ khi nào xét thấy các biện pháp giám sát, giáo dục tỏ ra không đảm bảo “hiệu quả, giáo dục, phòng ngừa” thì việc áp dụng hình phạt mới có thể tính đến. Sự thay đổi này có ý nghĩa nhất định trong việc đề cao sự ưu tiên áp dụng các biện pháp giám sát, giáo dục thay vì hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội như cách thức quy định trong quy định cũ.

c) Nguyên tắc áp dụng hình phạt đối với người dưới 18 tuổi: Nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội là không áp dụng hình phạt tù chung thân và tử hình. Ngoài ra, việc quyết định hình phạt phải xuất phát từ tính nhân đạo, coi mục đích giáo dục, cải tạo người dưới 18 tuổi phạm tội là chủ yếu. Khoản 4 và Khoản 5 Điều 69 của BLHS 1999 đã được sửa đổi bổ sung theo hướng tiếp cận phù hợp hơn chính sách xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội: Công ước Quyền trẻ em khẳng định nguyên tắc “Việc bắt, giam giữ hoặc bỏ tù trẻ em... phải là biện pháp cuối cùng trong thời hạn thích hợp ngắn nhất”.Như vậy cách tiếp cận của Công ước

trong việc áp dụng chế tài đối với người dưới 18 tuổi phạm tội là ưu tiên áp dụng các biện pháp không giam giữ. Các biện pháp mang tính giam giữ và hình phạt tù chỉ được áp dụng khi không còn cách nào khác. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 4 Điều 69 BLHS 1999 “Khi xét xử, nếu thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, thì Tòa án áp dụng một trong các biện pháp tư pháp được quy định tại Điều 70 của Bộ luật này” thì lại thể hiện hướng ngược lại, nghĩa là trước tiên Tòa phải cân nhắc việc áp dụng hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, trong trường hợp xét thấy không cần thiết áp dụng hình phạt thì mới áp dụng biện pháp tư pháp – với tính chất là những biện pháp thay thế hình phạt, nhân đạo hơn đối với người bị kết án.

Khoản 4 Điều 91 của BLHS 2015 đã thể hiện lại nguyên tắc này theo hướng phù hợp hơn với tinh thần của Công ước về Quyền trẻ em, theo đó, khi xét xử người dưới 18 tuổi phạm tội, Tòa án trước hết phải cân nhắc khả năng áp dụng việc miễn TNHS và áp dụng một trong các biện pháp giám sát, giáo dục hoặc khả năng áp dụng biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng đối với các em và chỉ khi xét thấy việc áp dụng các biện pháp này không đảm bảo hiệu quả giáo dục, phòng ngừa thì mới áp dụng hình phạt đối với các em. Đồng thời, khoản 6 Điều 91 cũng quy định rõ Tòa án chỉ áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với người dưới 18 tuổi phạm tội khi xét thấy các hình phạt và biện pháp giáo dục khác không có tác dụng răn đe, phòng ngừa với thời hạn thích hợp ngắn nhất.

2.2.3. Sự thể hiện của nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong các quy định về hình phạt

Việc Nhà nước quy định hành vi này hay hành vi khác là tội phạm mới chỉ là điều kiện cần nhưng chưa đủ để có thể tiến hành đấu tranh, phòng ngừa và chống tội phạm một cách có hiệu quả. Cùng với việc quy định hành vi này hay hành vi khác là tội phạm, Nhà nước quy định các biện pháp tác động đặc trưng của luật hình sự, trong đó hình phạt là hình thức cơ bản và phổ biến nhất. Hình phạt, theo C.Mác không phải là một cái gì khác ngoài phương tiện tự vệ của xã hội chống lại sự vi phạm các điều kiện tồn tại của nó. Chính vì vậy, hình phạt với tính cách là hình thức

phổ biến và chủ yếu nhất của TNHS luôn hàm chứa yếu tố trừng trị người dưới 18 tuổi phạm tội. Mặt khác, nhìn từ góc độ phòng ngừa tội phạm, hình phạt đồng thời phải là phương tiện có khả năng phòng ngừa tội phạm. Vì vậy, hình phạt luôn hàm chứa cả yếu tố cải tạo giáo dục người dưới 18 tuổi phạm tội. Phân tích quy định về khái niệm hình phạt được ghi nhận tại Điều luật trên đây, có thể thấy khái niệm đó đã thể hiện được phần nào các đòi hỏi của nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự. Khẳng định hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất, khái niệm hình phạt trước hết tác động đến nhận thức của mọi người, giúp họ hiểu được nội dung của hình phạt là trừng trị thông qua việc tước bỏ hoặc hạn chế quyền và lợi ích nhất định của người dưới 18 tuổi phạm tội như tính mạng, tài sản hoặc lợi ích vật chất hay tinh thần khác, từ đó lựa chọn cách xử sự cần thiết đúng theo pháp luật quy định để không bị tước đi các quyền và lợi ích đó. Đối với nhà làm luật, khái niệm hình phạt đòi hỏi nhà làm luật phải xác định rõ giới hạn phân biệt tội phạm với các hành vi vi phạm pháp luật khác khi quy định tội phạm, bởi chỉ có tội phạm mới bị áp dụng biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc đó.

Đồng thời, khái niệm hình phạt còn đòi hỏi nhà làm luật khi quy định loại hình phạt, mức hình phạt chẳng những phải đảm bảo độ tương xứng với mức độ nghiêm trọng của tội phạm mà còn phải đảm bảo độ tương xứng phù hợp giữa các loại hình phạt cũng như giữa các chế tài hình phạt cụ thể. Đối với người áp dụng luật hình sự, khái niệm hình phạt đòi hỏi họ khi áp dụng các quy định của luật hình sự phải đánh giá chính xác tính chất pháp lý của sự kiện hay tình huống đã xảy ra trên thực tế thuộc sự điều chỉnh của ngành luật nào, phân tích một cách chính xác các quy phạm pháp luật cần được áp dụng và điều quan trọng nhất là áp dụng đến mức độ nào thì “cần” và “đủ” nhằm bảo vệ được các lợi ích khác nhau trong xã hội, lại vừa bảo đảm được sự khoan hồng của luật hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

Khẳng định hình phạt được quy định trong BLHS, khái niệm hình phạt hướng mọi người tìm hiểu những loại hình phạt nào với những chế tài gì ngay trong BLHS mà không tìm hiểu ở bất kỳ một văn bản quy phạm pháp luật nào khác. Đối

với nhà làm luật, khái niệm hình phạt đòi hỏi họ một mặt không ngừng nghiên cứu để bổ sung các loại hình phạt cần thiết vào BLHS, mặt khác, phải đưa ra khỏi BLHS những hình phạt không còn phù hợp với yêu cầu đấu tranh, phòng ngừa và chống tội phạm. Nói đến sự thể hiện của nguyên tắc nhân đạo trong các quy định về hình phạt, sẽ là một thiếu sót lớn nếu không nói đến quy định về mục đích của hình phạt. Trong BLHS năm 1999, mục đích của hình phạt được quy định tại Điều 27, theo đó “Hình phạt không chỉ nhằm trừng trị người phạm tội mà còn giáo dục họ trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa, ngăn ngừa họ phạm tội mới. Hình phạt còn nhằm giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm”. Trước hết, cần nhấn mạnh rằng, bởi bản chất của xã hội ta là nhân đạo, nên việc quy định và áp dụng hình phạt không nhằm mục đích trừng trị mà trừng trị phải được coi là phương thức cải tạo giáo dục người phạm tội.

Mỗi quốc gia xây dựng cho mình một hệ thống hình phạt khác nhau nhằm áp dụng phù hợp đối với từng loại tội phạm. Đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, hệ thống hình phạt chính được áp dụng thường ít hơn và nhẹ hơn so với người đã thành niên phạm tội. Có thể thấy Nhà nước ta tuân thủ và thực hiện một nguyên tắc chung đó là nguyên tắc nhân đạo trong xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội.

Theo quy định của BLHS 2015, vẫn giữ nguyên tắc không áp dụng hình phạt chung thân hoặc tử hình đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, Tòa án chỉ áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với người dưới 18 tuổi phạm tội khi xét thấy các hình phạt và biện pháp giáo dục khác không có tác dụng răn đe, phòng ngừa, khi xử phạt tù có thời hạn, Tòa án cho người dưới 18 tuổi phạm tội được hưởng mức án nhẹ hơn mức án áp dụng đối với người đủ 18 tuổi trở lên phạm tội tương ứng và với thời hạn thích hợp ngắn nhất đa số các chế tài áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội và ưu tiên áp dụng hình phạt không mang tính giam giữ, bao gồm: cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ và biện pháp tư pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn. Đặc biệt, tại khoản 4 Điều 91 quy định nguyên tắc “Khi xét xử, Tòa án chỉ áp dụng hình phạt

đối với người dưới 18 tuổi phạm tội nếu xét thấy việc miễn TNHS và áp dụng một trong các biện pháp quy định tại Mục 2 hoặc việc áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng quy định tại Mục 3 chương này không đảm bảo hiệu quả giáo dục phòng ngừa”, như vậy, về nguyên tắc, khi xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội, Tòa án cân nhắc theo thứ tự việc miễn TNHS trước, đến áp dụng các biện pháp tư pháp hoặc giáo dục tại trường giáo dưỡng trước việc áp dụng hình phạt, và việc áp dụng hình phạt chỉ khi xét thấy các biện pháp xử lý trên không đảm bảo hiệu quả giáo dục phòng ngừa. Điều này phù hợp với mục tiêu trong chính sách xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội của Nhà nước ta, tạo điều kiện cho người dưới 18 tuổi được cải tạo và sửa chữa lỗi lầm trong môi trường bình thường tại cộng đồng... Bên cạnh đó, những bất cập trong công tác giáo dục, cải tạo người bị kết án phạt tù cũng gây nhiều tác động tiêu cực đến khả năng phục hồi của người dưới 18 tuổi. Việc cách ly ra khỏi xã hội cũng ảnh hưởng tiêu cực đến khả năng phục hồi của người dưới 18 tuổi, khiến các em có cảm giác bị bỏ rơi, bị đẩy ra lề xã hội, đồng thời có thể gây ra sự kỳ thị, xa lánh của cộng đồng đối với các em. Đây chính là những trở ngại đối với quá trình phục hồi và tái hòa nhập của người dưới 18 tuổi phạm tội. Liên quan đến việc đề xuất mở rộng khả năng áp dụng các biện pháp tư pháp và các chế tài không giam giữ như phạt tiền, cải tạo không giam giữ... BLHS 2015 đã có những thay đổi theo hướng mở rộng phạm vi áp dụng các hình phạt như phạt tiền, cải tạo không giam giữ nói chung hoặc riêng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

2.2.4. Sự thể hiện nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong quy định về quyết định hình phạt, tổng hợp hình phạt

Quyết định hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội là một vấn đề rất được chú ý khi xét xử vụ án hình sự có sự tham gia của người dưới 18 tuổi phạm tội. Việc quyết định hình phạt bao giờ cũng phải xuất phát từ tính nhân đạo, coi mục đích giáo dục, cải tạo người dưới 18 tuổi phạm tội là chủ yếu. Do đó, khi quyết định hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, quy định của pháp luật hình sự ở các quốc gia đều cân nhắc việc giảm nhẹ đặc biệt nhằm đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho người dưới 18 tuổi. Nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi

trong luật hình sự Việt nam đòi hỏi khi quyết định hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, cơ quan có thẩm quyền phải cân nhắc trước hết các biện pháp không tước tự do, việc giam giữ chỉ sử dụng khi các biện pháp khác không có tác dụng răn đe, phòng ngừa. Kết hợp với nguyên tắc về truy cứu TNHS người dưới 18 tuổi, các cơ quan có thẩm quyền cân nhắc có thực hiện việc truy cứu TNHS đối với họ hay không. Khi đã quyết định truy cứu TNHS, các cơ quan có thẩm quyền phải ưu tiên áp dụng các biện pháp không tước tự do để xử lý. Sau cùng, khi các biện pháp không tước tự do không đáp ứng yêu cầu phòng ngừa thì Tòa án mới áp dụng hình phạt tù có thời hạn.

Khi quyết định áp dụng hình phạt tù có thời hạn, Tòa án đồng thời lựa chọn một mức hình phạt cụ thể đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Khi xem xét mức hình phạt này, Tòa án phải cân nhắc lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi, phải xác định thời hạn áp dụng hình phạt thấp hơn người đủ 18 tuổi và trong thời hạn thích hợp. Cụ thể đối với từng loại hình phạt được quy định như sau:

Đối với hình phạt cải tạo không giam giữ, theo khoản 1 Điều 100 BLHS 2015 thì người dưới 18 tuổi phạm tội có thể được áp dụng hình phạt này khi loại tội mà họ phạm thuộc các trường hợp sau:

+ Đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi thì loại tội phạm mà họ phạm phải là tội ít nghiêm trọng, tội nghiêm trọng hoặc tội rất nghiêm trọng nhưng do lỗi vô ý

+ Đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thì loại tội phạm mà họ phạm là tội rất nghiêm trọng

Trong khi đó, điều kiện về loại tội phạm để được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ này đối với người từ đủ 18 tuổi trở lên phạm tội là tội ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng và điều kiện này không thay đổi từ BLHS 1999 sang BLHS 2015. Như vậy, việc áp dụng hình phạt này đối với người dưới 18 tuổi đã được các nhà làm luật mở rộng và ưu ái hơn để hạn chế việc tước quyền tự do của người dưới 18 tuổi phạm tội, thể hiện chính sách nhân đạo đặc biệt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

Về đối tượng được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, cũng theo khoản 1 Điều 100 BLHS 2015, hình phạt này không chỉ được áp dụng đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội mà còn được áp dụng đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội trong các trường hợp luật định trong khi theo quy định tại Điều 31 và Điều 73 BLHS 1999 thì nguyên tắc hình phạt cải tạo không giam giữ chỉ được áp dụng đối với người từ đủ 16 tuổi phạm tội trở lên, trừ trường hợp người dưới 18 tuổi phạm tội từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi có đủ điều kiện để áp dụng Điều 47 BLHS 1999 về quyết định hình phạt nhẹ hơn quy định của BLHS để quyết định sang một hình phạt khác nhẹ hơn, chẳng hạn chuyển từ hình phạt tù có thời hạn sang hình phạt cải tạo không giam giữ.

Tương tự, về quyết định hình phạt tù có thời hạn đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, một quy định mới trong nguyên tắc xử phạt tù có thời hạn là phải cho người dưới 18 tuổi phạm tội được áp dụng hình phạt tù có thời hạn “với thời hạn thích hợp nhất”, việc bổ sung này thể hiện sự tiến bộ và phù hợp với quy định của Công ước về Quyền trẻ em là “Việc bắt, giam giữ hoặc bỏ tù trẻ em phải được tiến hành phù hợp với pháp luật và chỉ được coi là biện pháp cuối cùng và áp dụng trong thời gian thích hợp ngắn nhất”. Bên cạnh đó, do Điều 101 BLHS 2015 quy định về việc áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với người dưới 18 tuổi phạm tội giống như người từ đủ 18 tuổi trở lên phạm tội tại Điều 38 BLHS 2015 và tại Điều 38 BLHS 2015 quy định bổ sung trường hợp không được áp dụng hình phạt tù có thời hạn “đối với người lần đầu phạm phạm tội ít nghiêm trọng do vô ý và có nơi cư trú rõ ràng”. Do đó, phạm vi áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với người dưới 18 tuổi phạm tội nói riêng cũng như người dưới 18 tuổi phạm tội nói chung trong BLHS 2015 đã được thu hẹp lại so với BLHS 1999.

Liên quan đến việc quyết định hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong các trường hợp đặc biệt, BLHS 2015 đã có những quy định mới về quyết định hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong trường hợp chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt tại Điều 102 BLHS 2015, trong trường hợp phạm nhiều tội quy

định tại Điều 103 BLHS 2015 cũng như về tổng hợp hình phạt của nhiều bản án đối với người dưới 18 tuổi phạm tội quy định tại Điều 104 BLHS 2015.

Về quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, Điều 102 BLHS 2015 đã có sự phân hoá với quy định tương tự cho người đủ 18 tuổi trở lên cũng như đã có sự phân hoá TNHS theo từng nhóm tuổi cụ thể theo hướng thể hiện đúng theo nguyên tắc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội được quy định tại Điều 91 BLHS 2015. Đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi thì Điều 14 BLHS 2015 cũng như Điều 102 BLHS 2015 không có quy định riêng về phạm vi chịu TNHS. Do đó có thể hiểu phạm vi chịu TNHS trong giai đoạn chuẩn bị phạm tội đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi được áp dụng như người từ đủ 18 tuổi trở lên và được quy định tại khoản 2 Điều 14 BLHS 2015: Người chuẩn bị phạm tội quy định tại một trong các điều 108, 109, 110, 111, 112, 113, 114, 115, 116, 117, 118, 119, 120, 121, 123, 134, 168, 169, 207, 299, 300, 301, 302, 303 và 324 của Bộ luật này thì phải chịu TNHS. Đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội thì phạm vi chịu TNHS với giai đoạn chuẩn bị phạm tội của họ đã có sự thu hẹp, họ chỉ chịu TNHS khi họ chuẩn bị phạm tội giết người và tội cướp tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 14 BLHS.

Về mức độ chịu TNHS đối với giai đoạn chuẩn bị phạm tội trong các tội danh cụ thể và các khung hình phạt này thấp hơn nhiều so với hình phạt áp dụng theo quy định của BLHS 1999 vì theo khoản 2 Điều 52 BLHS 1999 quy định “Đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội, nếu điều luật được áp dụng có quy định hình phạt cao nhất là tù chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng là không quá hai mươi năm tù; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt không quá một phần hai mức phạt tù mà điều luật quy định” trong khi đó khoản 2 Điều 102 BLHS 2015 quy định

- Mức hình phạt cao nhất đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chuẩn bị phạm tội không quá một phần ba mức hình phạt được quy định trong khung hình phạt đối với hành vi chuẩn bị phạm tội trong điều luật được áp dụng. Với quy định này thì mức hình phạt cao nhất đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi trong

trường hợp chuẩn bị phạm tội là 01 năm 08 tháng tù do khoản 3 Điều 123 và khoản 5 Điều 168 BLHS 2015 đều quy định “Người chuẩn bị phạm tội này thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm”.

- Mức hình phạt cao nhất đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi chuẩn bị phạm tội không quá một phần hai mức hình phạt được quy định trong khung hình phạt đối với hành vi chuẩn bị phạm tội trong điều luật được áp dụng. Với quy định này thì mức hình phạt cao nhất đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi trong trường hợp chuẩn bị phạm tội là 02 năm 06 tháng tù do các khung hình phạt trong phần thứ hai

- Các tội phạm của BLHS 2015 quy định mức cao nhất của khung hình phạt đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội là 05 năm tù.

Đối với giai đoạn phạm tội chưa đạt, quy định về mức độ TNHS đối với giai đoạn này có sự khác biệt với quy định của của BLHS 1999, theo đó, khoản 3 Điều 102 BLHS 2015 quy định:

-Mức hình phạt cao nhất áp dụng đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội chưa đạt không quá một phần ba mức hình phạt quy định tại Điều 100 và Điều 101 của Bộ luật này.

-Mức hình phạt cao nhất áp dụng đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội chưa đạt không quá một phần hai mức hình phạt quy định tại các Điều 99, 100 và 101 của Bộ luật này.

Theo quy định này, về TNHS của người dưới 18 tuổi phạm tội chưa đạt có thể hiểu là cần phải làm 02 bước để xác định mức hình phạt cao nhất đối với người dưới 18 tuổi phạm tội chưa đạt. Đó là: bước thứ nhất: cần xác định mức hình phạt tối đa đối với người dưới 18 tuổi phạm tội với từng loại hình phạt theo quy định tại Điều 99, Điều 100, Điều 101 BLHS 2015 và bước thứ 2 là cần xác định mức hình phạt tối đa đối với giai đoạn phạm tội chưa đạt theo quy định tại khoản 3 Điều 102 BLHS 2015 là không quá một phần ba hoặc không quá một phần hai kết quả vừa tính được ở bước thứ nhất tùy từng độ tuổi khác nhau.

Về quyết định hình phạt trong trường hợp người dưới 18 tuổi phạm nhiều quy định tại Điều 103 BLHS 2015 so với quy định tại Điều 75 BLHS 1999 có một số điểm mới:

Thứ nhất, khoản 1 Điều 103 BLHS 2015 quy định mức hình phạt cao nhất sau khi tổng hợp, cụ thể đối với hai nhóm tuổi từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi và từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi phạm tội và quy định tổng hợp hình phạt cải tạo không giam giữ đối với người dưới 18 tuổi trong trường hợp phạm nhiều tội “Khi xét xử cùng một lần người dưới 18 tuổi phạm nhiều tội thì Tòa án quyết định hình phạt đối với từng tội và tổng hợp hình phạt chung theo quy định tại Điều 55 của Bộ luật này.

Nếu hình phạt chung là cải tạo không giam giữ thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 03 năm. Nếu hình phạt chung là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không được vượt quá 18 năm đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi phạm tội và 12 năm đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi khi phạm tội.”

Tuy nhiên, khoản 1 Điều 103 BLHS 2015 vẫn chưa quy định về việc tổng hợp hình phạt tiền đối với người dưới 18 tuổi phạm nhiều tội. Như vậy, trong trường hợp khi cần tổng hợp hình phạt tiền đối với người dưới 18 tuổi phạm nhiều tội thì không rõ mức cao nhất của hình phạt chung có bị hạn chế bởi mức quy định tại Điều 99 BLHS 2015 không hay cần tổng hợp theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 55 BLHS 2015.

Thứ hai, để tổng hợp hình phạt trong trường hợp người dưới 18 tuổi phạm nhiều tội, khoản 2, khoản 3 Điều 103 BLHS 2015 quy định dựa vào mức hình phạt mà Tòa án đã tuyên đối với từng tội trong khi Điều 75 BLHS 1999 căn cứ vào “tội nặng nhất” được thực hiện khi người dưới 18 tuổi phạm tội ở các độ tuổi nhất định để xác định tội nào nặng hơn, nhẹ hơn theo quy định tại Điều 75 BLHS 1999 căn cứ vào quy định của cá điều luật tương ứng và thực hiện theo thứ tự hướng dẫn tại các Nghị quyết. Với quy định dựa vào mức hình phạt mà Tòa án tuyên có thể thấy khoản 2, khoản 3 Điều 103 BLHS 2015 đã quy định phù hợp hơn Điều 75

BLHS 1999 vì khi dựa vào mức hình phạt mà Toà án tuyên đối với từng tội mà người dưới 18 tuổi phạm tội thực hiện sẽ tương xứng hơn với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà họ đã thực hiện

Thứ ba, nếu Điều 75 BLHS 1999 chỉ quy định về tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội có tội thực hiện trước khi đủ 18 tuổi, có tội thực hiện sau khi đủ 18 tuổi mà không có sự phân hoá theo từng nhóm tuổi cụ thể thì Điều 103 BLHS 2015 tiếp tục kế thừa quy định này và khắc phục được những bất cập của Điều 75 BLHS 1999 khi quy định rất cụ thể về tổng hợp hình phạt trong trường hợp người dưới 18 tuổi phạm nhiều tội với việc phân hoá TNHS theo từng nhóm tuổi khác nhau:

- Một là, khoản 1 Điều 103 BLHS 2015 quy định nguyên tắc quyết định hình phạt cũng như mức hình phạt tối đa khi các tội mà họ thực hiện đều khi họ trong độ tuổi từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi hoặc đều trong độ tuổi từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi “Nếu hình phạt chung là cải tạo không giam giữ thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 03 năm. Nếu hình phạt chung là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không được vượt quá 18 năm đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi phạm tội và 12 năm đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi khi phạm tội.”

-Hai là, khoản 2 Điều 103 BLHS năm 2015 quy định về tổng hợp hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm nhiều tội, trong đó có tội được thực hiện trước khi đủ 16 tuổi, có tội được thực hiện sau khi đủ 16 tuổi, thì việc tổng hợp hình phạt áp dụng như sau:

+ “Nếu mức hình phạt đã tuyên đối với tội được thực hiện trước khi người đó đủ 16 tuổi nặng hơn hoặc bằng mức hình phạt đã tuyên đối với tội được thực hiện sau khi đủ 16 tuổi thì hình phạt chung không vượt quá mức hình phạt cao nhất đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi theo quy định tại khoản 1 Điều này” nghĩa là không vượt quá 03 năm đối với hình phạt chung là cải tạo không giam giữ và không vượt quá 12 năm đối với hình phạt chung là tù có thời hạn.

+ “Nếu mức hình phạt đã tuyên đối với tội được thực hiện sau khi người đó đủ 16 tuổi nặng hơn mức hình phạt đã tuyên đối với tội được thực hiện trước khi đủ 16 tuổi thì hình phạt chung không vượt quá mức hình phạt cao nhất đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi theo quy định tại khoản 1 Điều này” nghĩa là không vượt quá 03 năm đối với hình phạt chung là cải tạo không giam giữ và không vượt quá 18 năm đối với hình phạt chung là tù có thời hạn.

- Ba là, khoản 3 Điều 103 BLHS 2015 tiếp tục kế thừa những quy định tại Điều 75 BLHS 1999 về tổng hợp hình phạt đối với người phạm nhiều tội, có tội được thực hiện trước khi đủ 18 tuổi, có tội thực hiện sau khi đủ 18 tuổi thì việc tổng hợp hình phạt áp dụng như sau:

+ “Nếu mức hình phạt Tòa án tuyên đối với tội được thực hiện khi người đó chưa đủ 18 tuổi nặng hơn hoặc bằng mức hình phạt áp dụng đối với tội được thực hiện khi người đó đã đủ 18 tuổi, thì hình phạt chung không được vượt quá mức hình phạt cao nhất quy định tại khoản 1 Điều này”, với quy định này có thể thấy đối với người phạm nhiều tội, có tội được thực hiện trước khi đủ 18 tuổi, có tội thực hiện sau khi đủ 18 tuổi thì đối với tội thực hiện trước khi đủ 18 tuổi sẽ có 02 trường hợp xảy ra. Trường hợp thứ nhất là mức hình phạt Tòa tuyên đối với tội thực hiện khi người đó chưa đủ 16 tuổi nặng hơn hoặc bằng mức hình phạt áp dụng đối với tội được thực hiện khi người đó đủ 18 tuổi và trường hợp thứ hai là mức hình phạt Tòa tuyên đối với tội thực hiện khi người đó từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nặng hơn hoặc bằng mức hình phạt áp dụng đối với tội thực hiện khi người đó đủ 18 tuổi nhưng quy định này lại không chia ra từng nhóm tuổi khác nhau mà chỉ quy định chung là “tội được thực hiện khi người đó chưa đủ 18 tuổi nặng hơn hoặc bằng” là chưa cụ thể, rõ ràng từng trường hợp. Tuy nhiên, dựa vào lập luận có lợi cho người dưới 18 tuổi phạm tội thì có thể hiểu mức hình phạt Tòa tuyên đối với tội được thực hiện trước khi đủ 16 tuổi nặng hơn hoặc bằng mức hình phạt áp dụng đối với tội được thực hiện sau khi đủ 18 tuổi thì hình phạt chung không được vượt quá 12 năm tù còn nếu mức hình phạt Tòa án tuyên đối với tội được thực hiện khi người đó từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nặng hơn hoặc bằng mức hình phạt áp dụng đối với tội

được thực hiện khi người đó đủ 18 tuổi thì hình phạt chung không được vượt quá 18 năm tù.

+ “Nếu mức hình phạt Tòa án tuyên đối với tội được thực hiện khi người đó đã đủ 18 tuổi nặng hơn mức hình phạt áp dụng đối với tội thực hiện khi người đó chưa đủ 18 tuổi thì hình phạt chung áp dụng như đối với người đủ 18 tuổi trở lên phạm tội” nghĩa là nếu hình phạt chung là cải tạo không giam giữ thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng là 03 năm, nếu hình phạt chung là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng là 30 năm, hình phạt chung thân, tử hình thì áp dụng bình thường như người đủ 18 tuổi trở lên phạm tội.

Về tổng hợp hình phạt của nhiều bản án đối với người dưới 18 tuổi phạm tội quy định tại Điều 104 BLHS 2015 là một quy định mới của BLHS 2015 so với BLHS 1999. Khi BLHS 2015 lần đầu tiên quy định về tổng hợp hình phạt của nhiều bản án đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Theo đó, “Việc tổng hợp hình phạt trong trường hợp một người đang phải chấp hành một bản án mà lại bị xét xử về tội đã phạm trước hoặc sau khi có bản án này, được thực hiện theo quy định tại Điều 55 và Điều 56 của Bộ luật này. Hình phạt chung không được vượt quá mức hình phạt cao nhất quy định tại Điều 103 của Bộ luật này”.

Như trên đã phân tích, mức hình phạt cao nhất được quy định tại Điều 103 BLHS 2015 là khác nhau tùy vào từng nhóm tuổi khác nhau trong từng trường hợp cụ thể. Vì vậy khi tổng hợp hình phạt của nhiều bản án đối với người dưới 18 tuổi phạm tội mặc dù Điều 104 không chỉ rõ “mức hình phạt cao nhất quy định tại Điều 103 BLHS 2015” là mức nào, theo từng nhóm tuổi khác nhau trong từng trường hợp cụ thể như Điều 103 hay chỉ bị khống chế về mức hình phạt tối đa là hình phạt chung sau khi được tổng hợp là không được vượt quá 03 năm đối với cải tạo không giam giữ, không được vượt qua 18 năm hoặc không được vượt quá 12 năm tù đối với từng nhóm tuổi tương ứng khi thực hiện hành vi phạm tội. Theo nguyên tắc đảm bảo lợi ích tốt nhất cho người dưới 18 tuổi thì mức hình phạt cao nhất phải bị giới hạn vào mức thấp hơn trong các cách tính nêu trên.

2.2.5. Sự thể hiện nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong quy định về án tích

Xoá án tích đối với người dưới 18 tuổi bị kết án theo quy định của BLHS 1999 bao gồm 2 hình thức như đối với người đã thành niên. Đó là đương nhiên được xoá án tích và xoá án tích theo quyết định của của Tòa án. So với người đã thành niên phạm tội thì các quy định này chỉ có một điểm khác là thời hạn đương nhiên được xoá án tích đối với người dưới 18 tuổi thấp hơn so với người đã thành niên.

Điều 107 BLHS 2015 đã có những sửa đổi bổ sung quan trọng, liên quan đến quy định về xoá án tích đối với người dưới 18 tuổi:

Thứ nhất, quy định rõ 3 trường hợp người dưới 18 tuổi bị kết án được coi là không có án tích tại khoản 1 gồm:

- Người bị kết án là người đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi.
- Người bị kết án là người đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị kết án về tội ít nghiêm trọng, tội nghiêm trọng hoặc rất nghiêm trọng do vô ý.
- Người bị áp dụng biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng

Thứ hai, quy định người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng chỉ áp dụng chỉ áp dụng hình thức đương nhiên xoá án tích quy định tại khoản 2

Thứ ba, quy định rõ điều kiện để người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi được đương nhiên xoá án tích là không được thực hiện hành vi phạm tội nào mới trong thời hạn sau đây, tính từ khi chấp hành xong hình phạt chính hoặc từ khi hết thời hiệu thi hành án mà người đó không thực hiện hành vi phạm tội mới (khoản 2)

- 06 tháng trong trường hợp bị phạt cảnh cáo, phạt tiền, phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù nhưng cho hưởng án treo.
- 01 năm trong trường hợp bị phạt tù đến 05 năm.
- 02 năm trong trường hợp bị phạt tù trên 05 năm đến 15 năm.
- 03 năm trong trường hợp bị phạt tù trên 15 năm.

Như vậy so với BLHS 1999, quy định về xoá án tích đối với người dưới 18 tuổi bị kết án của BLHS 2015 thể hiện nhiều điểm mới mang tính nhân đạo, tạo điều kiện cho người dưới 18 tuổi bị kết án có cơ hội nhanh chóng tái hoà nhập cộng đồng.

2.2.6. Sự thể hiện nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong quy định về miễn, giảm trách nhiệm hình sự

Miễn trách nhiệm hình sự:

Trên cơ sở kế thừa quy định tại khoản 2 Điều 69 BLHS 1999 về miễn TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, Khoản 2 Điều 91 của BLHS 2015 quy định người dưới 18 tuổi phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tự nguyện khắc phục phần lớn hậu quả thì có thể được miễn TNHS và áp dụng các biện pháp giám sát, giáo dục:

- Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng trừ trường hợp quy định tại các Điều 134 (tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khoẻ của người khác); Điều 141 (Tội hiếp dâm); Điều 171 (Tội cướp giết tài sản); Điều 248 (Tội sản xuất trái phép chất ma tuý); Điều 249 (Tội tàng trữ trái phép chất ma tuý); Điều 250 (Tội vận chuyển trái phép chất ma tuý); Điều 251 (Tội mua bán trái phép chất ma tuý); Điều 252 (Tội chiếm đoạt chất ma tuý) của Bộ luật này

- Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý quy định tại Khoản 2 Điều 12 của Bộ luật là phạm tội rất nghiêm trọng thuộc một trong 28 tội danh mà BLHS 2015 quy định đối tượng này phải chịu TNHS, trừ trường hợp quy định tại các điều: Điều 123 (Tội giết người); Điều 134 các khoản 4,5 và khoản 6 (tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khoẻ của người khác); Điều 141 (Tội hiếp dâm); Điều 142 (tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi); Điều 144 (tội cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi); Điều 150 (tội mua bán người); Điều 151 (tội mua bán người dưới 16 tuổi); Điều 168 (tội cướp tài sản); Điều 171 (Tội cướp giết tài sản); Điều 248 (Tội sản xuất trái phép chất ma tuý); Điều 249 (Tội tàng trữ trái phép chất ma tuý); Điều 250 (Tội vận chuyển trái phép chất ma

tuý); Điều 251 (Tội mua bán trái phép chất ma tuý); Điều 252 (Tội chiếm đoạt chất ma tuý).

- Người dưới 18 tuổi là đồng phạm nhưng có vai trò không đáng kể trong vụ án

Như vậy, so với BLHS 1999, Khoản 2 Điều 91 BLHS 2015 đã mở rộng đối tượng được miễn TNHS đối với cả người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi, quy định cụ thể điều kiện miễn TNHS đồng thời bổ sung quy định về việc áp dụng các biện pháp giám sát, giáo dục đối với các em được miễn TNHS nhằm đảm bảo tính khả thi cũng như hiệu quả áp dụng của chế định pháp lý này.

Một số điểm lưu ý khi miễn TNHS theo khoản 2 Điều 91:

Một là, việc miễn TNHS và áp dụng biện pháp giám sát, giáo dục có thể được áp dụng ở bất kỳ thời điểm nào của quá trình tố tụng đối với vụ án, bất kể ở giai đoạn điều tra, truy tố hat xét xử và do cơ quan tiến hành tố tụng đang thụ lý vụ việc có thẩm quyền áp dụng. Để đảm bảo lợi ích tốt nhất đối với người dưới 18 tuổi, sớm đưa các em ra khỏi vòng tố tụng, cần xem xét, áp dụng miễn TNHS càng sớm càng tốt

Hai là, quy định này không loại trừ việc người dưới 18 tuổi được miễn TNHS theo Điều 29 của BLHS 2015 khi họ có đủ điều kiện quy định tại Điều này. Một điểm khác biệt giữa hai chế định miễn TNHS này là miễn TNHS theo Điều 29 đồng nghĩa với việc trả tự do hoàn toàn cho người được miễn TNHS, trong khi đó, người được miễn TNHS theo khoản 2 Điều 91 sẽ phải chịu sự giám sát, giáo dục của cơ quan, Theo quy định của BLHS 2015, đa số các chế tài áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội không mang tính giam giữ, bao gồm: cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ và biện pháp tư pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn. Điều này phù hợp với mục tiêu trong chính sách xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội của Nhà nước ta, tạo điều kiện cho người dưới 18 tuổi được cải tạo và sửa chữa lỗi lầm trong môi trường bình thường tại cộng đồng...BLHS 2015 đã có những thay đổi theo hướng mở rộng phạm vi áp dụng các hình phạt như phạt tiền, cải tạo không giam giữ nói chung hoặc riêng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội chỉ miễn

TNHS và áp dụng biện pháp giám sát, giáo dục đối với người dưới 18 tuổi phạm tội nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 29 của BLHS 2015

Về các biện pháp giám sát, giáo dục áp dụng trong trường hợp được miễn TNHS

Khoản 2 Điều 69 BLHS 1999 quy định việc miễn TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong trường hợp tội ít nghiêm trọng hoặc nghiêm trọng mà gây thiệt hại không lớn, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và được gia đình, cơ quan, tổ chức nhận giám sát, giáo dục. Tuy nhiên chế định này bộc lộ nhiều bất cập ví dụ như thiếu cơ sở pháp lý rõ ràng, cụ thể về điều kiện, trình tự, thủ tục cũng như vai trò của cơ quan, tổ chức, cá nhân tại cộng đồng, các biện pháp hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng còn nhiều hạn chế. Hơn nữa, trên thực tế việc miễn trách nhiệm hình sự đồng nghĩa với việc trả tự do vô điều kiện mà không áp dụng bất kỳ biện pháp giáo dục, phòng ngừa nào dẫn đến một thực tế là người dưới 18 tuổi có thể tiếp tục tái phạm. Đây là lý do hạn chế việc áp dụng chế định này trong thực tiễn.

Để góp phần khắc phục những bất cập này, đồng thời thực hiện chủ trương nhân đạo hóa, tăng tính hướng thiện trong chính sách xử lý hình sự đối với đối tượng cần bảo vệ đặc biệt là người dưới 18 tuổi theo hướng sớm đưa các em ra khỏi vòng tố tụng khi có điều kiện để tránh tác động tiêu cực không cần thiết, BLHS 2015 bổ sung Mục 2 với 04 điều quy định về 03 biện pháp giám sát, giáo dục đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong trường hợp các em được miễn TNHS theo khoản 2 Điều 91 BLHS, trong đó có 02 biện pháp hoàn toàn mới là khiển trách và hòa giải tại cộng đồng, còn 01 biện pháp là giáo dục tại xã, phường, thị trấn được chuyển từ biện pháp tư pháp theo BLHS 1999 thành một trong những biện pháp giám sát, giáo dục khi được miễn TNHS nhằm tăng khả năng áp dụng các biện pháp có lợi hơn cho người dưới 18 tuổi trong thực tiễn. Đây là biện pháp mang tính giáo dục – phòng ngừa xã hội nhằm mục đích chính là giúp cho các em nhận rõ được lỗi lầm, có thái độ ăn năn, hối cải khắc phục sai phạm.

Cụ thể như sau:

* Khiển trách: là một trong ba biện pháp giám sát, giáo dục có thể được áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội được miễn TNHS nhằm giúp cho họ nhận thức rõ hành vi phạm tội, hậu quả gây ra đối với cộng đồng, xã hội và nghĩa vụ của họ để sửa chữa lỗi lầm, khắc phục hậu quả và cải tạo để trở thành người có ích. Điều 93 quy định việc áp dụng biện pháp khiển trách như sau:

Thứ nhất, về đối tượng được áp dụng: Khiển trách chỉ áp dụng đối với; Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 91 của BLHS và người dưới 18 tuổi là người đồng phạm có vai trò không đáng kể trong vụ án.

Thứ hai, về thẩm quyền, thủ tục áp dụng: Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án đang tiến hành tố tụng đối với vụ án có thẩm quyền quyết định áp dụng và thực hiện việc khiển trách. Việc khiển trách đối với người dưới 18 tuổi phải có sự chứng kiến của cha mẹ hoặc người đại diện hợp pháp của người dưới 18 tuổi phạm tội.

Thứ ba, về nghĩa vụ của người bị khiển trách: Để tăng cường hiệu quả phòng ngừa tái phạm, khoản 3 Điều 93 quy định cụ thể các nghĩa vụ mà người bị khiển trách phải thực hiện như tuân thủ pháp luật, nội quy, quy chế của nơi cư trú, học tập, làm việc; trình diện trước cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu; tham gia các chương trình học tập, dạy nghề do địa phương tổ chức, tham gia lao động với hình thức phù hợp. Thời gian thực hiện các nghĩa vụ này từ 03 tháng đến 01 năm tùy từng trường hợp cụ thể.

* Hòa giải tại cộng đồng: quy định tại Điều 94 BLHS 2015 về điều kiện, thẩm quyền, thủ tục áp dụng cũng như nghĩa vụ của người được áp dụng biện pháp hòa giải tại cộng đồng.

Thứ nhất, về đối tượng áp dụng: Hòa giải chỉ áp dụng đối với: Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội ít nghiêm trọng hoặc tội nghiêm trọng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 91 của BLHS và người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 91 của BLHS

Thứ hai, về thẩm quyền, thủ tục áp dụng: Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án đang tiến hành tố tụng đối với vụ án có thẩm quyền quyết định áp dụng và Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức việc hòa giải tại cộng đồng khi người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của người bị hại tự nguyện hòa giải và đề nghị miễn TNHS.

Thứ ba, về nghĩa vụ của người bị áp dụng biện pháp hòa giải tại cộng đồng: Người bị áp dụng biện pháp hòa giải tại cộng đồng phải thực hiện các nghĩa vụ sau: xin lỗi người bị hại và bồi thường thiệt hại; tuân thủ pháp luật, nội quy, quy chế của nơi của nơi cư trú, học tập, làm việc; trình diện trước cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu; tham gia các chương trình học tập, dạy nghề do địa phương tổ chức, tham gia lao động với hình thức phù hợp. Thời gian thực hiện các nghĩa vụ này từ 03 tháng đến 01 năm tùy từng trường hợp cụ thể.

* Giáo dục tại xã, phường, thị trấn: Quy định tại điều 95 BLHS về điều kiện, thẩm quyền, thủ tục áp dụng và nghĩa vụ của người được áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

Thứ nhất, về đối tượng áp dụng: Biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn được áp dụng đối với: Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội ít nghiêm trọng hoặc tội nghiêm trọng thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 91 của BLHS và người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 91 của BLHS

Thứ hai, về thẩm quyền, thủ tục áp dụng: Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án đang tiến hành tố tụng đối với vụ án có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn với thời hạn từ 01 năm đến 02 năm và giao người được miễn TNHS cho Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức việc giám sát, giáo dục.

Thứ ba, về nghĩa vụ của người bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn: Người bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn phải thực hiện các nghĩa vụ sau: chấp hành đầy đủ các nghĩa vụ về học tập, lao động; chịu sự giám sát, giáo dục của gia đình, xã, phường, thị trấn; không đi khỏi nơi cư trú khi không

được phép; tuân thủ pháp luật, nội quy, quy chế của nơi của nơi cư trú, học tập, làm việc; trình diện trước cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu; tham gia các chương trình học tập, dạy nghề do địa phương tổ chức, tham gia lao động với hình thức phù hợp.

Thứ tư, về việc chấm dứt thời hạn giám sát, giáo dục: Để khuyến khích người được giám sát, giáo dục cải tạo tốt, khoản 3 Điều 95 của BLHS quy định trường hợp người được giáo dục chấp hành một phần hai thời hạn, có nhiều tiến bộ thì theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã được giao trách nhiệm quản lý, giáo dục, cơ quan đã áp dụng biện pháp này có thể quyết định chấm dứt thời hạn giám sát, giáo dục.

Chương 3

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM NHẪM ĐẢM BẢO NGUYÊN TẮC NHÂN ĐẠO ĐỐI VỚI NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI PHẠM TỘI

3.1. Hạn chế trong quy định của BLHS 2015 trong việc bảo đảm nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi phạm tội

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, CSHS đối với NCTN phạm tội thể hiện trong pháp luật hình sự Việt Nam còn bộc lộ những hạn chế, thiếu sót nhất định:

Trong bối cảnh hiện nay, tình hình người dưới 18 tuổi phạm tội đang có chiều hướng gia tăng và diễn biến phức tạp, tỷ lệ tái phạm tương đối cao, thực tiễn áp dụng những quy định về tư pháp đối với người dưới 18 tuổi gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, bên cạnh đó, cùng với sự phát triển và thay đổi nhanh chóng về mọi mặt kinh tế, xã hội, văn hóa, đối ngoại và trước những yêu cầu hội nhập quốc tế theo hướng bảo vệ tốt hơn nữa cho người dưới 18 tuổi, hệ thống tư pháp của Việt Nam đã bộc lộ một số hạn chế nhất định như các biện pháp thay thế xử lý chính thức chưa được quan tâm, các quy định chưa thực sự bảo đảm vì lợi ích tốt nhất của trẻ em và tính “thân thiện” trong quy trình tố tụng như yêu cầu của các chuẩn mực quốc tế về bảo vệ trẻ em... Những bất cập này đặt ra yêu cầu phải xem xét, nghiên cứu để có những sửa đổi, bổ sung kịp thời hệ thống pháp luật trong lĩnh vực tư pháp nói chung, pháp luật liên quan đến hệ thống xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội nói riêng mà trong đó việc xây dựng một hệ thống các biện pháp chuyển hướng và quy trình xử lý chuyển hướng cụ thể đối với người dưới 18 tuổi phạm tội là hết sức cần thiết nhằm bảo vệ tốt hơn lợi ích của người dưới 18 tuổi, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn cũng như đảm bảo thực thi các nghĩa vụ quốc tế của Việt Nam. Việc BLHS 2015 lần đầu tiên quy định cụ thể việc áp dụng các biện pháp xử lý chuyển hướng khi xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội là hết sức có ý nghĩa cả về mặt chính trị, pháp lý lẫn thực tiễn đời sống xã hội. Tuy nhiên, vẫn còn những quy định chưa mang tính rõ ràng, gây khó khăn cho việc áp dụng trong thực tiễn. Cụ thể: Các quy định như “có nhiều tình tiết giảm nhẹ” “tự nguyện khắc phục phần lớn hậu quả” và “vai trò không đáng kể trong vụ án”, đây là những quy định mang tính chung chung, không

có tiêu chí và định lượng để đánh giá, từ đó việc áp dụng quy định này sẽ gây khó khăn cho những người tiến hành tố tụng

Đây là những nội dung một số quy định pháp luật hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội vẫn còn ở dạng khái quát, thiên về nguyên tắc, hay nói cách khác, tính quy phạm chưa được chú trọng nên để vận dụng vào thực tiễn đòi hỏi phải có các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành.

Thứ hai, về mặt kỹ thuật lập pháp, nhiều quy định pháp luật hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội bộc lộ nhiều hạn chế, thiếu sót, thiếu chặt chẽ, chưa dự liệu hết những tình huống thực tế có thể xảy ra để điều chỉnh. Nhiều thuật ngữ pháp lý được sử dụng chưa thống nhất. Nhiều quy định pháp luật hình sự vẫn mang tính nguyên tắc chung nên chưa áp dụng được ngay mà phải chờ văn bản chi tiết, hướng dẫn thi hành, trong khi đó, các văn bản chi tiết, hướng dẫn thi hành thường được ban hành chậm làm cho pháp luật chậm đi vào cuộc sống, nhiều quy định pháp luật hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội không được giải thích đầy đủ và kịp thời nên việc thực hiện rất khó khăn. Trong hệ thống pháp luật hình sự, còn nhiều quy định chưa thống nhất, hiện tượng các văn bản quy phạm pháp luật về cùng một vấn đề có quy định mâu thuẫn, chòng chéo vẫn diễn ra, phần nào ảnh hưởng không tốt đến hiệu quả ban hành pháp luật hình sự, hoạt động phổ biến, thực hiện pháp luật và áp dụng pháp luật hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

Thứ ba, thực tế cho thấy, nhiều quy định pháp luật hình sự ở nước ta được ban hành chủ yếu quan tâm đến tính hợp pháp nhiều hơn là tính hợp lý nên đôi khi không sát với thực tế cuộc sống, khó thực hiện. Ngoài ra, một số thủ tục hoạt động lập pháp lại được pháp luật quy định quá phức tạp, khi văn bản quy phạm pháp luật được ban hành đều phải trải qua trình tự, thủ tục khắt khe nhưng tình trạng sai phạm về lỗi kỹ thuật hoặc nội dung vẫn tồn tại khá phổ biến và các cơ quan, bộ phận chịu trách nhiệm thẩm tra, thẩm định cũng không phải chịu trách nhiệm gì.

Thứ tư, công tác xây dựng pháp luật pháp luật hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu đang đặt ra của công cuộc đổi mới. Hoạt động giải thích pháp luật hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội chủ yếu

được thực hiện dưới hình thức giải thích không chính thức, dẫn đến việc nhận thức và thực hiện nhiều quy định pháp luật hình sự chưa thống nhất, còn nhiều lúng túng.

Tóm lại, có rất nhiều lý do dẫn đến chất lượng hệ thống pháp luật hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội chưa cao, trong đó nguyên nhân chính của những hạn chế, thiếu sót nêu trên là do chưa hoạch định được một chương trình xây dựng pháp luật hình sự toàn diện, tổng thể, có tầm nhìn chiến lược; việc đào tạo, nâng cao trình độ của cán bộ pháp luật và công tác nghiên cứu lý luận về pháp luật chưa theo kịp với đòi hỏi của thực tiễn; việc tổ chức thi hành pháp luật hình sự còn thiếu chặt chẽ; ý thức pháp luật của một bộ phận không nhỏ cán bộ, công chức và nhân dân còn nhiều hạn chế.

3.2. Định hướng hoàn thiện và kiến nghị cụ thể nhằm đảm bảo nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi phạm tội

Trước tiên, cần ban hành hệ thống các văn bản hướng dẫn thi hành chi tiết và cụ thể, rõ ràng trong việc áp dụng các quy định của BLHS về nguyên tắc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội. Một số điểm cần lưu ý là khả năng áp dụng vào thực tiễn phải phù hợp tình hình người dưới 18 tuổi phạm tội với các nguyên tắc nhân đạo, nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa. Đối với một số quy định chưa cụ thể như “có nhiều tình tiết giảm nhẹ”, kiến nghị quy định cụ thể nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 51 BLHS 2015 là có từ 02 tình tiết trở lên quy định tại Khoản 1 điều này cũng như quy định một số trường hợp vừa có tình tiết giảm nhẹ, vừa có tình tiết tăng nặng thì việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng được áp dụng như thế nào? Theo quan điểm về đề cao tính nhân đạo trong việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội, thì việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng vẫn được cân nhắc áp dụng nếu người dưới 18 tuổi phạm tội tuy có tình tiết tăng nặng nhưng bị lại có nhiều hơn tình tiết giảm nhẹ, không phân biệt tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 1 hay Khoản 2 Điều 51 BLHS, tạo điều kiện cho việc thực hiện nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi phạm tội được miễn TNHS và áp dụng các biện pháp tư pháp cũng đủ giáo dục các em trở thành người có ích cho xã hội và tiếp tục phát triển trong tương lai.

Đối với tình tiết “tự nguyện khắc phục phần lớn hậu quả”, cần được hướng dẫn thi hành và quy định cụ thể không chỉ áp dụng tình tiết này khi các em trực tiếp khắc phục hậu quả gây ra mà vẫn áp dụng tình tiết này ngay cả khi người thân, gia đình, cha mẹ... khắc phục hậu quả này cho các em. Và việc đánh giá cụ thể như thế nào là “phần lớn hậu quả” cũng cần được giải thích cụ thể để các cơ quan tiến hành tố tụng có cơ sở đánh giá và việc áp dụng tình tiết này không bị lạm dụng hoặc vì không có cơ sở cụ thể mà họ không áp dụng.

Đối với tình tiết “Vai trò không quan trọng trong vụ án”, có thể hiểu là vụ án có đồng phạm và người dưới 18 tuổi tham gia thực hiện tội phạm với vai trò đồng phạm không có vai trò quan trọng. Việc đánh giá như thế nào là “quan trọng” hay không quan trọng” cần phải được các nhà làm luật giải thích rõ ràng hơn nữa. Theo đó, kiến nghị cần quy định cụ thể đây là vụ án đồng phạm có tổ chức hay không có tổ chức, người dưới 18 tuổi tham gia thực hiện tội phạm với vai trò gì? Thiết nghĩ với “vai trò không quan trọng”, có thể hiểu người dưới 18 tuổi không thể là người tổ chức và người xúi giục mà với việc nhận thức và tích lũy kinh nghiệm sống còn chưa đầy đủ, người dưới 18 tuổi dễ bị lôi kéo, xúi giục thực hiện tội phạm với vai trò người giúp sức hoặc người thực hiện. Vậy với vai trò như vậy, người dưới 18 tuổi thực hiện tội phạm với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội như thế nào để được xem là “không quan trọng trong vụ án”? Điều này cần được các Nhà làm luật cân nhắc và có văn bản giải thích để việc áp dụng quy định này vào thực tiễn mang tính khả thi hơn.

Quy định tổng hợp hình phạt của nhiều bản án đối với người dưới 18 tuổi phạm tội tại Điều 104 không cụ thể theo từng nhóm tuổi khác nhau trong từng trường hợp cụ thể, cần quy định rõ việc tổng hợp hình phạt của các bản án chỉ bị khống chế về mức hình phạt tối đa là hình phạt chung sau khi được tổng hợp là không được vượt quá 03 năm đối với cải tạo không giam giữ, không được vượt quá 18 năm hoặc không được vượt quá 12 năm tù đối với từng nhóm tuổi tương ứng khi thực hiện hành vi phạm tội để đảm bảo lợi ích tốt nhất cho người dưới 18 tuổi.

Theo quy định tại Khoản 4 Điều 91 BLHS 2015 về nguyên tắc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội thì khi xét xử, Tòa án phải xem xét trước tiên việc miễn TNHS và áp dụng một số biện pháp quy định tại Mục 2 (các biện pháp giám sát, giáo dục áp dụng trong trường hợp được miễn TNHS) hoặc việc áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng quy định tại Mục 3 mới xem xét áp dụng hình phạt khi các biện pháp chuyển hướng nêu trên không đảm bảo hiệu quả giáo dục, phòng ngừa. Như vậy, xét theo nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, thì việc áp dụng biện pháp tư pháp đưa vào trường giáo dưỡng cũng được xem xét để miễn TNHS của người dưới 18 tuổi phạm tội. Về áp dụng quy định tại Mục 3: Biện pháp tư pháp đưa vào trường giáo dưỡng quy định tại Điều 96 thì Tòa án có thể áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng từ 01 năm đến 02 năm đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trên cơ sở “tính chất nghiêm trọng của hành vi phạm tội”, “nhân thân người phạm tội” và “môi trường sống” mà cần đưa họ vào một tổ chức giáo dục có kỷ luật, đối với những quy định nêu trên, việc áp dụng trên thực tiễn sẽ gây khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng bởi không có quy định cụ thể để đánh giá tính chất nghiêm trọng của hành vi phạm tội ở mức độ nào, nhân thân và môi trường sống của người phạm tội như thế nào thì áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng? Do đó, cần thiết quy định cụ thể hơn nữa đối với biện pháp này để việc áp dụng trên thực tiễn được thực thi hiệu quả.

Trong việc ban hành pháp luật, một số vấn đề về kỹ thuật cũng đã xuất hiện trong BLHS 2015 cần được xem xét sửa đổi trong chương những quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Cụ thể tại khoản 2 Điều 91 BLHS đưa ra những quy định cụ thể liên quan đến các trường hợp được miễn TNHS và áp dụng các biện pháp giám sát, giáo dục một cách cụ thể. Tuy nhiên, đây là điều luật về nguyên tắc xử lý người dưới 18 tuổi, đối với những quy định cụ thể hóa như trên không cần thiết phải đưa vào nguyên tắc xử lý người dưới 18 tuổi mà nên được quy định tại Điều 92 về quy định về điều kiện áp dụng việc miễn TNHS kèm theo các biện pháp giám sát, giáo dục.

Tại Khoản 7 Điều 91 quy định về nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi “Án đã tuyên đối với người chưa đủ 16 tuổi phạm tội, thì không thể tính để xác định tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm”. Đối chiếu với quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 107 về xóa án tích đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi bị kết án được coi là không có án tích, như vậy, trong trường hợp này có thể khẳng định người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi dù đã từng bị kết án vẫn được xem là không tái phạm hay tái phạm nguy hiểm nếu họ tiếp tục phạm tội. Việc quy định tại Khoản 7 Điều 91 về áp dụng án đã tuyên để tính tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm là không thực sự cần thiết.

Ngoài ra, BLHS 2015 còn có quy định chưa thống nhất với chính sách nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi, đó là quy định về thời hạn xóa án tích đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng là 03 năm chứ không phải là một phần hai theo quy định tại Điều 70 BLHS 2015. Vì theo quy định tại Điều 70 BLHS 2015 về đương nhiên được xóa án tích, thời hạn được xóa án tích được xác định dựa trên hình phạt thực tế Tòa án đã tuyên mà không dựa trên loại tội mà người phạm tội đã thực hiện. Điều này đảm bảo tính chính xác cao hơn vì khi tuyên hình phạt, Tòa án đã cân nhắc các tình tiết liên quan đến hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ TNHS để có hình phạt phù hợp, tương xứng và đảm bảo đạt được mục đích của hình phạt. Trong khi đó, quy định tại khoản 2 Điều 107 BLHS 2015 về thời hạn xóa án tích của người dưới 18 tuổi phạm tội dựa vào loại tội. Vì vậy cần được khắc phục. Thứ hai, thời hạn xóa án tích đối với người từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng được ấn định là 03 năm là nghiêm khắc hơn so với quy định của BLHS 1999. Cụ thể, theo quy định của BLHS 1999, trong trường hợp người thành niên bị kết án tù từ trên ba năm đến mười lăm năm, thời hạn xóa án tích đối với họ là 05 năm và đối với người dưới 18 tuổi là 2,5 năm. Vì vậy, để đảm bảo sự nhất quán trong CSHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, quy định tại Khoản 2 Điều 107 BLHS 2015 cần sửa lại như định trong BLHS 1999 là người đủ 16 tuổi đến

dưới 18 tuổi bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng thì đương nhiên xóa án tích trong thời hạn tương ứng bằng một phần hai thời hạn tương ứng bằng một phần hai thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 70 của Bộ luật này.

Trên đây là một số kiến nghị trong việc sửa đổi, bổ sung một số quy định đối với người dưới 18 tuổi nhằm quán triệt thực hiện thống nhất nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi phạm tội để việc áp dụng nguyên tắc nhân đạo trên thực tiễn.

KẾT LUẬN

Hệ thống các quan điểm, đường lối, chủ trương, định hướng chỉ đạo trong xử lý tội phạm do người dưới 18 tuổi thực hiện luôn đặt nguyên tắc nhân đạo lên hàng đầu. Nguyên tắc nhân đạo đó do đó trở thành hạt nhân góp phần phối hợp hoạt động của các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội và công dân vào mục đích khắc phục, hạn chế và loại trừ tội phạm ra khỏi xã hội.

Nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi phạm tội là hệ thống các quan điểm, phương hướng có tính chỉ đạo, chiến lược của Đảng và Nhà nước trong quá trình xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, trong việc sử dụng hệ thống pháp luật hình sự đó vào thực tiễn công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm do người dưới 18 tuổi thực hiện, nhằm phát hiện kịp thời, xử lý nhanh chóng, công minh theo đúng pháp luật các loại tội phạm do người dưới 18 tuổi thực hiện. Đồng thời, nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi phạm tội là nền tảng cho việc bảo đảm và bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của người dưới 18 tuổi phạm tội, giáo dục, giúp đỡ người dưới 18 tuổi phạm tội sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội.

Nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi phạm tội đặc biệt có ý nghĩa về mặt chính trị xã hội và pháp lý, cũng như ý nghĩa khoa học và thực tiễn rất quan trọng. Thông qua quá trình nghiên cứu tỉ mỉ, công phu, sâu sắc và khoa học, luận văn đã giải quyết cơ bản các nội dung như: khái niệm nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi phạm tội; xác định vị trí, vai trò, đặc điểm, mục tiêu, các nguyên tắc và ý nghĩa của nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong thực tiễn công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, hay nói cách khác là xác định mối liên hệ giữa nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi phạm tội và hiệu quả thực tế của công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm; phân tích làm rõ yêu cầu, các yếu tố đảm bảo thực hiện, nội dung, các nhân tố tác động và các biện pháp thực hiện nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi phạm tội; phân tích nguyên tắc nhân đạo hiện hành đối với người dưới 18 tuổi phạm tội ở Việt Nam bằng việc làm rõ mục tiêu, quan điểm, đường lối xử lý về hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm

tội, các nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, quy định về tội phạm và hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong pháp luật hình sự Việt Nam; đánh giá khách quan, toàn diện, đầy đủ thực trạng triển khai thực hiện nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi phạm tội ở Việt Nam hiện nay, phát hiện những vấn đề đặt ra và từ đó đề xuất những giải pháp cụ thể cho việc hoạch định và tổ chức thực thi nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong thực tiễn.

Có thể khẳng định, kết quả nghiên cứu của luận văn cũng chỉ mới dừng lại ở việc làm sáng tỏ những vấn đề mấu chốt, cơ bản nhất, và cũng chính là những giá trị ban đầu, rất nhiều nội dung khác liên quan đến vấn đề nguyên tắc nhân đạo đối với người dưới 18 tuổi phạm tội chưa được kiến giải trọn vẹn trong đề tài này, thực tế đó là do phạm vi nghiên cứu của đề tài tương đối rộng, nội dung nghiên cứu hay và khó, cùng với điều kiện và khả năng nghiên cứu của bản thân có hạn nên không tránh khỏi những thiếu sót. Rất mong nhận được sự đóng góp của quý thầy, cô giáo, các nhà khoa học để bản thân có thể nghiên cứu vấn đề này sâu sắc hơn trong thời gian sắp tới.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Hòa Bình (2017), *Chuyên đề Những nội dung sửa đổi lớn và những điểm mới trong phần chung của BLHS 2015*, Tài liệu tập huấn trực tuyến toàn quốc về Bộ luật hình sự 2015 của Tòa án nhân dân tối cao.
2. Nguyễn Mai Bộ (2001), *Một số ý kiến về chính sách hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội trong Bộ luật hình sự năm 1999*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật (số 4).
3. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 48/NQ-TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*.
4. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*.
5. Bộ Tư pháp, *Báo cáo đánh giá pháp luật và thực tiễn thi hành pháp luật về xử lý chuyển hướng, tư pháp phục hồi đối với người chưa thành niên vi phạm pháp luật* - UNICEF Việt Nam, Nxb Tư pháp, Hà Nội năm 2010
6. Bùi Thành Chung - Nguyễn Hoàng Thảo (2016), *Quy định về trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi trong Bộ luật hình sự năm 2015*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học, Trường Đại học Cảnh sát nhân dân, Thành phố Hồ Chí Minh. UNICEF Việt Nam, Nxb Tư pháp, Hà Nội năm 2016.
7. Ngô Duy Hiều (2001), *Chính sách hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội thể hiện trong Bộ luật hình sự năm 1999*, Tạp chí Tòa án nhân dân (số 11), Hà Nội.
8. Nguyễn Thị Phương Hoa (2016), *Chính sách hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong những quy định mới của Bộ luật hình sự năm 2015 và một số kiến nghị*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật (số 11), tr. 28-32.
9. Liên Hợp quốc (1989), *Công ước Liên hợp quốc về Quyền trẻ em năm 1989*.
10. Đặng Thanh Nga - Trương Quang Vinh (2011), *Người chưa thành niên phạm tội - Đặc điểm tâm lý và chính sách xử lý*, Nxb Tư Pháp, Hà Nội.

11. Hồ Trọng Ngũ (2002), *Một số vấn đề cơ bản về chính sách hình sự dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội IX của Đảng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
12. Trần Hồng Nhung (2017), *Các biện pháp giám sát, giáo dục và biện pháp tư pháp đối với người dưới 18 tuổi phạm tội*, Luận văn thạc sĩ luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội.
13. Cao Thị Oanh (2007), *Hoàn thiện những quy định về trách nhiệm hình sự của người chưa thành niên phạm tội*, Tạp chí Luật học, (số 10), Hà Nội.
14. Hoàng Thị Tuệ Phương- Mai Thị Thủy (2017), *Bình luận khoa học Những điểm mới của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017)*, Nxb Hồng Đức.
15. Quốc hội (2015), *Bộ luật hình sự năm 2015*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
16. Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (sửa đổi, bổ sung năm 2013)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
17. Hồ Sỹ Sơn (2005), *Cơ sở lý luận và thực tiễn của nguyên tắc nhân đạo trong Luật hình sự Việt Nam*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật Hà Nội, (số 6) tr.70.
18. Hồ Sỹ Sơn (2005), *Nguyên tắc nhân đạo trong Luật hình sự: Nhìn từ góc độ lịch sử nhân loại*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, Hà Nội.
19. Hồ Sỹ Sơn (2007), *Nguyên tắc nhân đạo trong Luật Hình sự Việt Nam*, Tóm tắt Luận án tiến sĩ luật học, Viện Nhà nước và Pháp luật, Hà Nội.
20. Hồ Sỹ Sơn (2011), *Nguyên tắc nhân đạo và việc hoàn thiện một số quy định thuộc phần chung của Bộ luật hình sự nước ta*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, Hà Nội (số 7), tr. 74.
21. Trần Quang Tiệp (2005), *Sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong đấu tranh phòng, chống người chưa thành niên phạm tội*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, (số 1).
22. Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2016), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam - Phần chung*, Thành phố Hồ Chí Minh.

23. Đào Trí Úc (1999), *Bản chất và vai trò của các nguyên tắc Luật hình sự Việt Nam*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, Hà Nội.
24. Đào Trí Úc (2000), *Luật hình sự Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội;
25. UNICEF - Viện Khoa học pháp lý (Bộ tư pháp) (2005), *Nghiên cứu, đánh giá, phân tích tình hình người chưa thành niên vi phạm pháp luật và hệ thống xử lý tại Việt Nam*, Báo cáo tổng hợp, Hà Nội.
26. Võ Khánh Vinh (2015), *Chính sách pháp luật: khái niệm và các dấu hiệu*, Tạp chí Nguồn nhân lực, (số 11).
27. Võ Khánh Vinh (2005), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*, Nxb Công an nhân dân.
28. Võ Khánh Vinh (2011), *Cơ chế bảo đảm và bảo vệ quyền con người*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
29. Võ Khánh Vinh (2014), *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam (Phần chung)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
30. Võ Khánh Vinh (2012), *Xã hội học pháp luật - Những vấn đề cơ bản*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.